

BÁO CÁO
Tổng kết thi hành Luật giá

Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội thông qua từ kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013 là văn bản pháp lý quan trọng để quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước. Qua hơn 8 năm thực hiện đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác quản lý điều hành giá và công tác tổng hợp, phân tích dự báo thị trường giá cả,... đã góp phần vào công tác ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và sự phát triển kinh tế - xã hội trong nước. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực cũng đã phát sinh những tồn tại, hạn chế, bất cập cần phải nghiên cứu sửa đổi để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

I. CÔNG TÁC TỔNG CHỨC, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THI HÀNH

Ngay sau khi Luật Giá được ban hành, Bộ Tài chính, các bộ, ngành có liên quan và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã tổ chức triển khai đồng bộ các hoạt động, từ các vấn đề chỉ đạo, quán triệt chấp hành, đến việc phổ biến tuyên truyền đến các đối tượng nhất là trong quá trình thực hiện Luật đã kịp thời trao đổi, hướng dẫn, xử lý vướng mắc... Qua đó, đưa Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật vào thực tiễn, tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất đồng bộ cho công tác quản lý giá theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước và phù hợp với các cam kết quốc tế. Cụ thể như sau:

1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, bao gồm:

- Để triển khai thi hành Luật, Bộ Tài chính đã chủ trì soạn thảo và trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, Thẩm định giá; 01 Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính. Các văn bản này đã được sửa đổi, bổ sung vào năm 2016. Đồng thời, trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao Bộ Tài chính đã ban hành hoặc phối hợp với các Bộ ngành ban hành các Thông tư và Thông tư liên tịch để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đầy đủ, toàn diện những quy định về phương pháp định giá, kê khai, hiệp thương, bình ổn giá...và ban hành đầy đủ 13 tiêu chuẩn thẩm định giá (Danh mục chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm).

- Căn cứ vào quy định của Luật Giá và các nghị định, thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá tại địa phương (như

Quyết định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn, Quyết định về giá các dịch vụ chuyển từ phí sáng giá...), đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác quản lý, điều hành giá tại địa phương. Tại các quyết định quản lý nhà nước về giá của địa phương đã có những nội dung quy định chi tiết, phân cấp cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập trình, thẩm định phương án giá, thẩm quyền hướng dẫn, tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, Văn bản kê khai giá cho Sở Tài chính, Sở quản lý ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Nhìn nhận tổng quan cho thấy, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn về quản lý giá đã được ban hành đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật theo quy định, cũng như tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Việc ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn thi hành Luật giá đã tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản lý và điều hành giá được thực hiện xuyên suốt, thống nhất từ trung ương đến địa phương. Các văn bản quản lý nhà nước về giá đều đã thể hiện một nguyên tắc chung được quy định tại Luật Giá là: Nhà nước thực hiện quản lý giá theo cơ chế thị trường; tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật; Nhà nước thực hiện điều tiết giá theo quy định của Luật để bình ổn giá; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng và lợi ích của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện, các văn bản luôn được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu đặt ra trong thực tiễn, thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm sự thống nhất hiệu quả trong áp dụng pháp luật.

2. Gắn với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giá, công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về quản lý giá luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên tổ chức thực hiện, thông qua đó đã kịp thời hướng dẫn trả lời vướng mắc trong quá trình thi hành Luật, thể hiện thông qua các hoạt động.

2.1 Song hành với công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về giá trong những năm qua kể từ khi Luật Giá được ban hành, công tác phổ biến, tuyên truyền Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành luôn được chú trọng triển khai đồng bộ, rộng rãi tại các cấp từ trung ương tới địa phương để đảm bảo Luật Giá với các quy định về quản lý giá được các cơ quan quản lý, tổ chức có liên quan và người dân nắm thông tin và thực hiện một cách nghiêm túc, đúng quy định pháp luật và tạo sự đồng thuận trong xã hội.

- Tại Trung ương, ngay sau khi Luật Giá, các Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính được ban hành, Bộ Tài chính đã tổ chức các Hội nghị phổ biến Luật Giá và các văn bản hướng dẫn đến các Sở Tài chính, các Sở chuyên ngành, các doanh nghiệp,... Đồng thời, trong quá trình thực hiện pháp luật về giá, trên cơ sở tình hình thực tế và đề nghị của địa phương, Bộ Tài chính cũng đã tổ chức các buổi tập huấn theo chuyên đề cho cán bộ công chức, viên

chức tại một số Sở Tài chính để hướng dẫn thực hiện các quy định của Luật Giá và quy trình, nghiệp vụ có liên quan.

Ngoài ra, thông qua Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Trang thông tin quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá của Cục Quản lý giá đã thường xuyên biên tập và đăng tải kịp thời các bài viết liên quan đến Luật Giá và văn bản hướng dẫn nhằm mục tiêu phổ biến giáo dục pháp luật rộng rãi tới tổ chức, cá nhân.

- Tại các bộ, ngành, hệ thống văn bản pháp luật về giá và các văn bản quản lý giá thuộc thẩm quyền ban hành của các bộ cũng được tích cực tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với thực tế của từng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ để nghiên cứu triển khai thực hiện; phối hợp với các hiệp hội, tổ chức có liên quan tổ chức hội thảo hướng dẫn thực hiện các quy định về quản lý giá thuộc lĩnh vực ngành.

- Tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố đã có văn bản chỉ đạo Sở Tài chính và các Sở ngành có liên quan tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến Luật Giá và các văn bản hướng dẫn bằng nhiều hình thức đan xen, linh hoạt như: Đăng tải các văn bản pháp luật về giá, các văn bản chỉ đạo, điều hành giá của Chính phủ, Bộ Tài chính, bộ ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh trên phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử của Sở Tài chính hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; tổ chức các hội nghị phổ biến, hội nghị tập huấn có sự tham gia của các Sở, ngành có chức năng, nhiệm vụ liên quan như Sở Công thương, Chi cục Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cá nhân, tổ chức sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Một số địa phương đã thực hiện các hình thức tuyên truyền rất hiệu quả, nhân bản nhiều đề cương tuyên truyền và tổ chức tập huấn cho các báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, huyện và tuyên truyền viên công đoàn, Sở Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo chí địa phương phối hợp tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Luật Giá và các văn bản hướng dẫn.

2.2. Kể từ khi Luật Giá và các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đến nay, công tác hướng dẫn và trả lời vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật được Bộ Tài chính quan tâm thực hiện đảm bảo tháo gỡ kịp thời các vấn đề còn chưa rõ, cần thống nhất cách hiểu và tổ chức thực hiện các quy định của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn. Theo đó, các vướng mắc liên quan đến quy trình, thủ tục của nội dung đăng ký giá, kê khai giá hoặc định giá nhà nước; các vấn đề liên quan đến định giá trong tổ tụng hình sự; công tác kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về giá... đã được tháo gỡ kịp thời. Thông qua công tác hướng dẫn và trả lời vướng mắc với từng trường hợp cụ thể, đã khái quát chung theo từng nhóm vấn đề và phổ biến đến tất cả các địa phương để nắm bắt, phòng tránh được các vướng mắc tương tự, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành pháp luật về giá được nhanh chóng, hiệu quả.

Tại địa phương, Sở Tài chính cùng các Sở quản lý chuyên ngành đã kịp thời hướng dẫn, giải đáp thắc mắc trong quá trình thi hành Luật Giá và các văn bản hướng dẫn cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan. Đồng thời, nâng cao trách nhiệm xử lý vướng mắc theo hướng đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung các văn bản quản lý giá thuộc thẩm quyền của địa phương để kịp thời tháo gỡ những hạn chế cho các đối tượng thực thi chính sách.

II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRONG THI HÀNH LUẬT GIÁ

Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội thông qua từ kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013. Đến nay đã đạt được kết quả theo mục tiêu, cụ thể như sau:

1. Luật giá là văn bản pháp lý cao, thể chế hóa quan điểm đổi mới của Đảng, Chính phủ về quản lý giá theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước; Phương thức quản lý giá trong nền kinh tế thị trường theo hướng khuyến khích cạnh tranh về giá, tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, tôn trọng các quy luật kinh tế khách quan chi phối sự hình thành và vận động của giá cả thị trường; đồng thời bảo đảm sự điều tiết của Nhà nước về giá chủ yếu bằng các biện pháp gián tiếp vĩ mô phù hợp với các cam kết quốc tế. Trên cơ sở các quy định của Luật giá và các văn bản hướng dẫn, công tác điều hành, quản lý giá đã góp phần giữ CPI hàng năm cơ bản theo lạm phát mục tiêu, ổn định kinh tế vĩ mô; hệ thống giá điện, than, xăng dầu, dịch vụ công từng bước được điều hành theo cơ chế thị trường có lộ trình; thu hẹp danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá (chỉ định giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, tác động lớn đến kinh tế - xã hội); không thực hiện bù lỗ, bù giá, bao cấp qua giá; phát triển nghề thẩm định giá theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch hơn...

Quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh được tôn trọng và đẩy mạnh. Theo đó, đã thúc đẩy mạnh sự chuyển biến tích cực và tạo bước ngoặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo thị trường, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động theo các tín hiệu về cung cầu, giá cả thị trường; tạo điều kiện huy động, phân bổ và vận dụng hợp lý hơn các nguồn lực của đất nước; góp phần tạo nên tốc độ phát triển cao của nền kinh tế, cải thiện đời sống kinh tế xã hội.

2. Pháp luật về giá đã tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá, điều tiết giá cả thị trường và ngăn ngừa các tác động làm ảnh hưởng đến kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội được thực thi hiệu quả, phù hợp với cam kết quốc tế.

Căn cứ quy định tại Luật Giá, tại Nghị quyết của Chính phủ về điều hành kinh tế xã hội hàng năm đều có các nội dung về giá cả; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị để chỉ đạo, tổ chức triển khai công tác bình ổn giá cả thị trường trong các thời điểm trước, trong và sau Tết, Chương trình bình ổn thị trường được triển khai tại nhiều địa phương đã giúp đảm bảo cung cầu các mặt hàng

thiết yếu trên địa bàn, giá một số vật tư đầu vào quan trọng của nền kinh tế đã được, kiểm soát để tránh có biến động tăng đột biến, tác động dây chuyền đến toàn bộ mặt bằng giá.

Trong những thời điểm bối cảnh kinh tế thế giới có biến động, tác động đến nền kinh tế trong nước đã đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cho công tác quản lý, điều hành giá, kiểm soát lạm phát theo mục tiêu Quốc hội, Chính phủ đặt ra. Công tác tổng hợp, phân tích, dự báo và đề xuất, triển khai các giải pháp cụ thể cho việc bình ổn giá cả thị trường một số mặt hàng thiết yếu, quan trọng trong các thời kỳ được đẩy mạnh đã góp phần quan trọng trong việc ổn định thị trường giá cả, kiểm soát lạm phát. Trên thực tiễn áp dụng các biện pháp bình ổn giá mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 6 tuổi; xây dựng cơ chế hình thành Quỹ bình ổn giá xăng dầu để tạo công cụ pháp lý, kinh tế tài chính cho công tác điều hành giá mặt hàng này và nhất là việc đã tổ chức kết hợp đồng bộ các quy định của pháp luật về quản lý giá với các cơ chế chính sách quản lý chuyên ngành đã góp phần quan trọng trong việc kiểm soát giá các hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khi có biến động, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội; góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo an ninh xã hội trong thời gian qua.

Mặt khác, công tác phối hợp trong triển khai nhiệm vụ thông qua cơ chế Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ đã phát huy hiệu quả, phù hợp với yêu cầu đặt ra trong quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Việc tham mưu, đề xuất những chủ trương, định hướng lớn về quản lý điều hành giá trong từng thời kỳ, tổ chức thực hiện đồng bộ các chính sách về giá, các biện pháp bình ổn giá đã được các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phối hợp thực hiện phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của Chính phủ về kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ. Kịch bản điều hành giá cụ thể được xây dựng hàng năm, hàng quý đã tạo điều kiện để chủ động, linh hoạt trong quản lý, điều hành giá các mặt hàng thiết yếu và dịch vụ công theo lộ trình thị trường, bám sát mục tiêu kiểm soát lạm phát và tín hiệu diễn biến thị trường trong nước và thế giới góp phần thực hiện lộ trình tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Danh mục mặt hàng Nhà nước quản lý, điều hành giá cơ bản là phù hợp với yêu cầu thực tiễn, thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước trong việc quản lý giá theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước; gắn với đó là việc phân công, phân cấp quản lý giá giữa Bộ, ngành, địa phương đã bước đầu phân định được rõ hơn về nhiệm vụ, xác định trách nhiệm cụ thể của từng Bộ, ngành, địa phương và qua đó thể hiện được tính minh bạch, công khai, hợp lý, góp phần rất lớn trong việc điều hành giá, kiểm soát lạm phát, bình ổn thị trường, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người dân, Nhà nước và doanh nghiệp.

Thực hiện thẩm quyền được giao, các Bộ, ngành đã tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định giá một số hàng hóa thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như khung giá đất, khung giá cho thuê mặt

nước, khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân,... Đồng thời, các Bộ ngành đã ban hành theo thẩm quyền các quy định về giá đối với các hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của mình như giá truyền tải điện, giá phát điện...; một số dịch vụ thuộc lĩnh vực hàng không, hàng hải, bưu chính viễn thông, y tế (dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hoặc trình Hội đồng nhân dân ban hành các quy định về giá các loại đất, giá thuê đất, thuê mặt nước, giá nước sạch sinh hoạt, giá các dịch vụ y tế, giáo dục thuộc phạm vi quản lý của địa phương... Các mặt hàng do nhà nước định giá được thẩm định phương án giá chặt chẽ, đảm bảo tính đúng, tính đủ chi phí hợp lý, hợp lệ, có xem xét đến khả năng chi trả của người tiêu dùng và tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

Tại địa phương, thực hiện chức năng định giá của nhà nước, các Sở, ngành đã chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân ban hành giá đối với các loại hàng hóa dịch vụ do Nhà nước định giá, đảm bảo kịp thời, đúng quy định, phù hợp với giá thị trường. Cơ bản các hình thức định giá, trình tự, hồ sơ, biểu mẫu và thời gian thực hiện phù hợp với quy định và tình hình thực tiễn tại các địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giao các sở chuyên ngành rà soát, xây dựng giá của các mặt hàng, như : giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân ban hành quyết định giá các loại đất trên địa bàn giai đoạn từ năm 2014-2019; Ban hành giá cho thuê đất, mặt nước; Sở Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính trong việc thẩm định, trình ban hành giá nước sạch sinh hoạt; Sở Xây dựng và Sở Tài chính phối hợp trong việc thẩm định giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt, khảo sát và công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn; Sở Y tế và Sở Tài chính tham mưu ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT tại các cơ sở khám chữa bệnh, Sở Tài chính và các Sở, ngành chủ quản tham mưu giá một số dịch vụ công...

Công tác định giá của Nhà nước đối với các hàng hóa, dịch vụ quan trọng trong đó có vai trò thẩm định/ tham gia ý kiến của Bộ Tài chính, Sở Tài chính được thực hiện hiệu quả nhằm đảm bảo giá hàng hóa, dịch vụ phù hợp với đặc điểm kinh tế, thị trường, kỹ thuật của từng loại hàng hóa dịch vụ, phương án giá, ngăn ngừa tình trạng độc quyền tăng giá không hợp lý gây thiệt hại cho người tiêu dùng và giảm trừ tình trạng cạnh tranh không lành mạnh về giá... Hoạt động thẩm định giá Nhà nước đã góp phần chống lãng phí, tiết kiệm ngân sách Nhà nước đối với việc mua, bán hàng hóa, dịch vụ sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước.

Việc phân công, phân cấp thẩm quyền giữa các cơ quan trung ương và địa phương đã cơ bản tạo sự minh bạch, rõ ràng giúp cho các cơ quan nhà nước xác định rõ trách nhiệm trong công tác quản lý giá đối với từng lĩnh vực. Qua đó, đã tạo sự thuận lợi cho công tác phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về giá ở trung ương và địa phương. Tuy nhiên, gắn với chủ trương của Đảng, Chính phủ trong việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong thời gian tới; đồng

thời trên cơ sở thực hiện triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong quy trình quản lý, điều hành giá thời gian qua cho thấy cần phải tiếp tục rà soát các quy định giữa Luật giá với các luật chuyên ngành, trên cơ sở đó căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị để có kiến nghị điều chỉnh một cách hợp lý, phù hợp trong công tác quản lý, điều hành giá theo hướng một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm; Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý giá trong tình hình mới.

4. Một số biện pháp quản lý giá (hiệp thương giá, kê khai giá và niêm yết giá) đã phát huy tác dụng trong thực tiễn, là công cụ pháp lý quan trọng để xử lý những vấn đề phát sinh, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

4.1. Trong những năm qua, trên thực tế đã có những phát sinh khi một số doanh nghiệp lớn có hoạt động mua-bán hàng hóa thiết yếu là đầu vào của một số dịch vụ khác nhưng không thỏa thuận được giá bán gây cản trở cho hoạt động sản xuất kinh doanh (than bán cho sản xuất điện, nước sạch bán buôn giữa đơn vị sản xuất và đơn vị kinh doanh,...). Cơ quan có thẩm quyền quản lý giá đã tổ chức hiệp thương giá để các bên thực hiện. Công tác hiệp thương giá thành công và đem lại lợi ích hài hòa cho các bên tham gia. Từ thực tiễn triển khai các quy định pháp luật về hiệp thương giá cho thấy tính đúng đắn, phù hợp với cơ chế quản lý giá theo thị trường có sự điều tiết của Nhà nước trong bối cảnh hiện nay và trong giai đoạn tới. Thông qua hiệp thương sẽ kịp thời xử lý, khắc phục được những hạn chế, bất cập trong hoạt động mua – bán hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền; ngăn ngừa được tình trạng thao túng giá, ép giá (từ cả hai phía, bên mua và bên bán), qua đó tạo ổn định thị trường và mặt bằng giá.

4.2. Biện pháp về kê khai giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ đã thể hiện rõ chủ trương quản lý giá theo thị trường có sự điều tiết của nhà nước; Đảm bảo sự chủ động thể hiện tính công khai, minh bạch trong hoạt động định giá của các doanh nghiệp. Thông qua đó, các tổ chức, cá nhân vẫn được đảm bảo quyền tự định giá hàng hóa, dịch vụ nhưng cơ quan quản lý vẫn có thể theo dõi, tổng hợp mức giá bán của các tổ chức, cá nhân và thực hiện rà soát phát hiện những trường hợp bất hợp lý để kịp thời yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện báo cáo về mức giá kê khai phù hợp với biến động của yếu tố hình thành giá trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật; qua đó nhằm hạn chế tình trạng lợi dụng tăng giá bất hợp lý hoặc kịp thời có giải pháp bình ổn giá khi thị trường có biến động giá. Một mặt khác, dữ liệu thông tin kê khai giá được sử dụng làm cơ sở theo dõi diễn biến giá cả thị trường, hỗ trợ việc tham mưu và phục vụ xây dựng các báo cáo chuyên đề trong công tác quản lý, điều hành giá trên địa bàn hoặc trên phạm vi cả nước.

4.3. Vấn đề về công khai thông tin về giá, niêm yết giá được bảo đảm thực thi trên cơ sở các quy định cụ thể, rõ ràng, minh bạch tại Luật giá và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong thời gian qua, việc thực thi quy định của Luật Giá về công khai thông tin về giá, niêm yết giá được triển khai quyết liệt

thông qua nhiều hình thức; vai trò của cơ quan nhà nước thể hiện trong việc thực hiện công khai chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý, điều tiết, quyết định về giá của Nhà nước bằng một hoặc một số hình thức như hợp báo, đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc hình thức thích hợp khác. Thông qua đó đã kịp thời giúp dư luận nắm bắt, hiểu rõ công tác quản lý điều hành giá của Nhà nước, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội trong những lần điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ.

5. Đối với hoạt động thẩm định giá

5.1. Về quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp thẩm định giá

- Về cấp và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: Tính đến ngày 06/8/2021, cả nước có 425 doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận, trong đó có 356 doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đang hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Các quy định về thủ tục cấp và cấp lại Giấy chứng nhận rõ ràng, đảm bảo cung cấp đầy đủ các nội dung thông tin cần thiết cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính. Danh sách các doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá được Bộ Tài chính thông báo công khai và thường xuyên cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để các cơ quan quản lý nhà nước khách hàng thẩm định giá biết và lựa chọn.

- Về đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá: Tính đến thời điểm hiện nay, Bộ Tài chính đã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đối với tổng cộng 69 doanh nghiệp. Đồng thời Bộ Tài chính cũng đã tiến hành đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đối với 28 doanh nghiệp.

- Về quản lý thẩm định viên về giá hành nghề: Tính đến thời điểm đầu năm 2021, Bộ Tài chính đã cấp 2.352 thẻ thẩm định viên về giá, trong đó có 1.750 thẩm định viên đã đăng ký hành nghề tại các doanh nghiệp thẩm định giá. Danh sách các thẩm định viên về giá đủ điều kiện đăng ký hành nghề hàng năm hành nghề được Bộ Tài chính thông báo và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính ngay từ đầu năm. Thông báo cung cấp đầy đủ các nội dung: danh sách doanh nghiệp thẩm định giá và chi nhánh; thông tin chi tiết về danh sách các thẩm định viên về giá của từng doanh nghiệp, chi nhánh. Đồng thời, trong quá trình hoạt động, khi có thay đổi về danh sách thẩm định viên đăng ký hành nghề, các doanh nghiệp đều phải báo cáo để Bộ Tài chính rà soát và có thông báo kịp thời về thay đổi danh sách thẩm định viên đăng ký hành nghề.

- Công tác kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá:

+ Công tác quản lý, theo dõi việc đăng ký và duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và điều kiện hành nghề của thẩm định viên cho thấy về cơ bản các doanh nghiệp thẩm định giá đã tuân

thủ các quy định của pháp luật về thẩm định giá, như: đảm bảo các điều kiện hoạt động thẩm định giá, hợp đồng thẩm định giá, quy trình thẩm định giá, báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá, quản lý thẩm định viên về giá. Công tác tổng hợp, xử lý các thông tin phản ánh, đơn thư khiếu nại, tố cáo của khách hàng thẩm định giá, về cơ bản đã được giải quyết kịp thời và phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm định giá, pháp luật về khiếu nại và pháp luật về tố cáo.

+ Việc đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 323/2016/TT-BTC và Thông tư số 25/2019/TT-BTC, nhằm mục tiêu góp phần tăng cường hơn trách nhiệm của các doanh nghiệp thẩm định giá và các thẩm định viên về giá hành nghề đối với việc đảm bảo và nâng cao chất lượng dịch vụ thẩm định giá cung cấp cho xã hội. Thực tế cho thấy, triển khai đã tạo ra áp lực buộc các doanh nghiệp phải rà soát lại toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp từ việc quản trị doanh nghiệp, quản lý thẩm định viên đến việc kiểm soát chất lượng hoạt động thẩm định giá nội bộ của doanh nghiệp, đặc biệt là thúc đẩy doanh nghiệp chấp hành tốt hơn pháp luật về thẩm định giá, nhất là các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

- Công tác kiểm tra, thanh tra và xử phạt vi phạm về thẩm định giá

+ Về thanh tra, kiểm tra: Từ khi Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn (trong đó có hoạt động thẩm định giá), Nghị định 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP và hệ thống các Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam được ban hành; để triển khai và kiểm tra tình hình thực hiện Bộ Tài chính đã tăng cường công tác kiểm tra doanh nghiệp thẩm định giá từ năm 2013 đến nay, cụ thể: năm 2013 kiểm tra 15 doanh nghiệp và 3 chi nhánh; năm 2014 kiểm tra 30 doanh nghiệp; năm 2015 kiểm tra 39 doanh nghiệp; năm 2016 kiểm tra 40 doanh nghiệp (trong năm 2016, Bộ Tài chính cũng đã thanh tra đối với 02 doanh nghiệp thẩm định giá); năm 2017 kiểm tra 34 doanh nghiệp và 3 chi nhánh; năm 2018 kiểm tra 52 doanh nghiệp; năm 2019 kiểm tra 65 doanh nghiệp; năm 2020 kiểm tra 58 doanh nghiệp. Bộ Tài chính cũng đã chủ động tiến hành kiểm tra đột xuất hoặc đưa vào danh sách kiểm tra trong năm kế tiếp đối với các doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm.

+ Về các biện pháp xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với công tác thanh tra, kiểm tra: Công tác giám sát, kiểm tra hàng năm và thanh tra đã phát hiện và xử phạt hành chính đối với các doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về thẩm định giá và được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính theo đúng quy định hiện hành, cụ thể: năm 2014 xử phạt 5 doanh nghiệp; năm 2015 xử phạt 5 doanh nghiệp; năm 2016 xử phạt 1 doanh nghiệp; năm 2017 xử phạt 1 doanh nghiệp; năm 2018 xử phạt 1 doanh nghiệp; năm 2019 đã xử phạt 15 doanh nghiệp; năm 2020 đã xử phạt 5 doanh nghiệp... Bên cạnh việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thẩm định giá, Bộ Tài chính có văn bản nhắc nhở gửi tất cả các doanh nghiệp hoặc riêng đối với một số doanh

nghiệp, yêu cầu các doanh nghiệp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những vi phạm hoặc sai sót trong quá trình hoạt động thẩm định giá. Cuối mỗi năm, trên cơ sở kết quả kiểm tra, Bộ Tài chính đều có công văn nhắc nhở các doanh nghiệp thẩm định giá về việc thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thẩm định giá, trong đó có những nội dung đánh giá chung về tình hình hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp, chỉ ra những tồn tại của các doanh nghiệp trong kỳ kiểm tra, đặc biệt đưa ra những yêu cầu chấn chỉnh đối với các doanh nghiệp thẩm định giá nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Luật Giá, các văn bản hướng dẫn Luật và tuân thủ Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

5.2. Về hoạt động thẩm định giá của nhà nước

Trong những năm qua, nhiều Bộ ngành ở Trung ương, cũng như địa phương đã chủ động trong việc thành lập các Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện việc thẩm định giá tài sản phục vụ cho mục đích mua, bán, chuyển nhượng... thuộc thẩm quyền của đơn vị mình. Hoạt động thẩm định giá Nhà nước đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra các quyết định liên quan đến mua, bán tài sản; đảm bảo sử dụng các nguồn lực của Nhà nước một cách hiệu quả, cụ thể:

- Tại Trung ương: Kể từ khi Nghị định số 89/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá có hiệu lực, một số Bộ ngành tại Trung ương đã thành lập các Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện việc thẩm định giá theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện thẩm định giá các tài sản có giá trị lớn, các tài sản đặc thù, các tài sản có yếu tố bí mật Nhà nước (Hội đồng thẩm định giá nhà nước của Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an...). Bên cạnh đó, một số Bộ ngành cũng đã chủ động trong việc thành lập các Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện việc thẩm định giá tài sản phục vụ cho mục đích mua, bán, chuyển nhượng... thuộc phạm vi của đơn vị mình, qua đó góp phần kiểm soát công tác chi tiêu ngân sách nhà nước (tiêu biểu như Bộ Quốc phòng, từ năm 2013 đến nay, thông qua hoạt động thẩm định giá đã tiết kiệm cho ngân sách nhà nước gần 2.200 tỷ đồng).

- Tại địa phương: đã thực hiện việc phân công và tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước thuộc địa phương quản lý theo quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan. Đồng thời một số địa phương cũng đã ban hành quy trình trong việc thẩm định giá tài sản nhà nước tại địa phương mình để làm cơ sở cho các hoạt động thẩm định giá nhà nước và thực hiện nhiều cuộc thẩm định giá thông qua các Hội đồng thẩm định giá thường xuyên, cũng như Hội đồng thẩm định giá theo vụ việc và thông báo kết quả thẩm định giá tài sản mua sắm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, góp phần tiết kiệm chi ngân sách.

Nhìn chung, hoạt động thẩm định giá nhà nước đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra các quyết định liên quan đến mua, bán tài sản; đảm bảo sử dụng các nguồn lực của nhà nước một cách hiệu quả hơn. Tuy nhiên, thực tế hoạt động thẩm định giá nhà nước tại một số địa phương

vẫn còn một số vấn đề, như: kiến thức chuyên sâu về thẩm định giá của một số thành viên hội đồng thẩm định giá hạn chế; việc phân cấp thực hiện thẩm định giá nhà nước tại các địa phương đôi khi chưa hợp lý; chưa có hướng dẫn mức chi cụ thể đối với công tác thẩm định giá nhà nước...

5.3. Về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến thẩm định giá

Trong những năm qua, Bộ Tài chính đã trả lời bằng văn bản, hoặc tham gia trả lời bằng văn bản khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động thẩm định giá, cụ thể như sau: năm 2015 trả lời 3 lượt, năm 2016 trả lời 3 lượt, năm 2017 trả lời 7 lượt, năm 2018 trả lời 8 lượt, năm 2019 trả lời 5 lượt, năm 2020 trả lời 6 lượt. Như vậy, 100% các khiếu nại, tố cáo có văn bản về Bộ Tài chính đã được xử lý kịp thời. Chính vì vậy không xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài.

Nội dung khiếu nại và tố cáo chủ yếu liên quan đến về kết quả thẩm định giá trong thi hành án, cá biệt có trường hợp khiếu nại doanh nghiệp thẩm định giá vi phạm trong thủ tục thẩm định giá. Căn cứ quy định của pháp luật liên quan đến khiếu nại, tố cáo và căn cứ chức năng nhiệm vụ của Bộ Tài chính đối với các nội dung khiếu nại, tố cáo này, Bộ Tài chính đã chuyển các đơn thư này đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đồng thời có văn bản đề nghị các doanh nghiệp thẩm định giá có liên quan giải trình các nội dung về thực hiện Luật giá về thẩm định giá và Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam. Bên cạnh đó, đối với các doanh nghiệp thẩm định giá bị khiếu nại, tố cáo, Bộ Tài chính cũng đã chủ động đưa vào danh sách để kiểm tra nhằm làm rõ các nội dung được nêu tại các đơn thư này.

5.4. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng thẩm định giá

Kể từ khi Thông tư số 204/2014/TT-BTC ngày 23/12/2014 của Bộ Tài chính được ban hành và có hiệu lực, các nội dung về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá được quy định rõ ràng và tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện của các cơ sở đào tạo cũng như công tác giám sát, kiểm tra việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá của cơ quan quản lý nhà nước. Thêm vào đó, để hoàn thiện hơn việc đào tạo, bồi dưỡng, cũng như công tác quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng về thẩm định giá, ngày 20/02/2019 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 11/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 204/TT-BTC.

Những nội dung của Thông tư 204/2014/TT-BTC và Thông tư số 11/2019/TT-BTC quy định về Bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá cho đối tượng là cán bộ, công chức làm công tác thẩm định trong cơ quan nhà nước... đã góp phần bổ sung nguồn lực cho hoạt động của Hội đồng thẩm định giá nhà nước hoặc Hội đồng định giá tổ tụng hình sự ở cấp Bộ, ngành, tỉnh, thành phố và quận, huyện; đồng thời quy định về cập nhật kiến thức cho các đối tượng là thẩm định viên về giá hành nghề... đã mang lại những tác dụng tích cực trên nhiều mặt, phù hợp với nhu cầu thực tế, cụ thể như: cập nhật các quy định mới

về văn bản pháp luật liên quan đến giá/thẩm định giá, cập nhật các kiến thức nghiệp vụ thẩm định giá, bài học kinh nghiệm từ hoạt động thẩm định giá.

6. Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đã được kịp thời triển khai và hiện giai đoạn 1 đã đi vào khâu vận hành thực tế tại các bộ phận thuộc phạm vi dự án đã đạt được các kết quả cụ thể. Qua đó tạo kênh thông tin quan trọng, chính thống giúp phục vụ cho công tác quản lý điều hành giá của các cơ quan trung ương và địa phương; đồng thời đáp ứng kịp thời các nhu cầu xã hội, nhất là trong hoạt động thẩm định giá.

Gắn với việc xây dựng và triển khai vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đã dần hình thành cơ chế cho việc thu thập, quản lý, khai thác giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ; quản lý thông tin về hoạt động thẩm định giá, bao gồm: quản lý thông tin doanh nghiệp thẩm định giá; thu thập thông tin về tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá. Giá trị tài sản được thẩm định giá và thông tin, tài liệu liên quan đến kết quả thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá; xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm dự báo thị trường giá cả ngắn hạn (theo tháng, quý, năm) trên phạm vi cả nước, phục vụ công tác quản lý điều hành giá.

Kết quả triển khai bước đầu đã mang lại những hiệu quả cơ bản trong việc thu thập, kết nối, liên thông dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước về giá sang hệ thống CSDL quốc gia về giá; tạo lập kho dữ liệu về giá với các số liệu phong phú, đa dạng như giá thị trường các mặt hàng thiết yếu, quan trọng; giá xuất nhập khẩu, giá hàng hóa thuộc diện đăng ký giá, kê khai giá. Qua đó, tạo nguồn thông tin chính thống hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý điều hành giá như:

- Quản lý, khai thác dữ liệu lịch sử về sự biến động giá cả thị trường các hàng hóa, dịch vụ; phục vụ công tác phân tích và dự báo diễn biến giá thị trường trong và ngoài nước. Các dữ liệu được lưu trữ, quản lý nhằm phục vụ khai thác dữ liệu đáp ứng các nhu cầu nghiệp vụ quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về giá, cũng như đáp ứng các yêu cầu quản lý tác nghiệp của các đơn vị.

- Vận hành hiệu quả phần mềm dự báo thị trường giá cả góp phần giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước quyết định các chủ trương, định hướng quản lý, điều hành giá; biện pháp điều hành giá, bình ổn giá đối với các hàng hóa dịch vụ quan trọng thiết yếu nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ trong từng thời kỳ...

- Quản lý, khai thác thông tin về hoạt động thẩm định giá, bao gồm: Quản lý thông tin doanh nghiệp thẩm định giá; thu thập thông tin về tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá. Giá trị tài sản được thẩm định giá và thông tin, tài liệu liên quan đến kết quả thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá.

7. Công tác kiểm tra, thanh tra giá và xử lý vi phạm pháp luật về giá cũng là một nội dung được chú trọng trong thời gian triển khai Luật giá và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc phát hiện kịp thời các sai phạm và có những biện pháp chấn chỉnh, đưa ra các chế tài phù hợp là một bước không thể thiếu trong công tác quản lý giá nói chung. Trong các năm qua, công tác kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực giá và thẩm định giá đã được triển khai toàn diện từ Trung ương đến địa phương. Qua đó, cũng đã tiếp nhận được nhiều thông tin phản hồi về những khó khăn vướng mắc để trên cơ sở đó rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về giá trong các lĩnh vực.

- Trong lĩnh vực thẩm định giá, gắn với việc đẩy mạnh phát triển ngành nghề dịch vụ tư vấn để phục vụ cho các nhu cầu của xã hội, đã tăng cường kiểm soát về quy trình, chất lượng dịch vụ, đánh giá chất lượng hoạt động chuyên môn về thẩm định giá của từng doanh nghiệp để kịp thời phát hiện thiếu sót chủ yếu trong việc thực hiện quy trình thẩm định giá, áp dụng phương pháp thẩm định giá. Qua đó, kịp thời chấn chỉnh, có giải đáp, hướng dẫn cụ thể để các đơn vị nâng cao năng lực chuyên môn, chất lượng dịch vụ cũng như có những hình thức xử lý vi phạm đối với các đơn vị không đảm bảo điều kiện kinh doanh, không chấp hành về quy trình, phương pháp thẩm định giá.

- Kiểm soát các yếu tố hình thành giá, kiểm soát chặt chẽ các nguồn chi tiêu từ ngân sách Nhà nước thanh toán cho các mức giá hàng hóa, dịch vụ mà Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất; hàng hóa dịch vụ còn được trợ giá, trợ cước,... không bổ sung tăng thêm so với kinh phí đã bố trí từ đầu năm để thực hiện các nhiệm vụ.

Trong thời gian qua, công tác kiểm tra, thanh tra về giá đã phát huy vai trò quan trọng, là một trong những nội dung không thể thiếu góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước về giá. Việc thực hiện kiểm tra, thanh tra được thực hiện theo đúng quy định, quy trình thanh tra, kiểm tra và đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm. Công tác kiểm tra trong lĩnh vực giá không chỉ đảm bảo phát hiện được những sai phạm, thiếu sót trong quá trình triển khai thực thi pháp luật mà còn tìm ra được những nguyên nhân chủ quan cũng như khách quan từ phía đơn vị được kiểm tra cũng như rà soát được các vướng mắc, bất cập tồn tại trong hệ thống văn bản quy định về giá cũng như các chồng chéo trong pháp luật chuyên ngành. Thông qua công tác thanh kiểm tra đã kịp thời hướng dẫn, giải đáp vướng mắc cho các đơn vị; đồng thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý sai phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy định của pháp luật về giá. Mặt khác, qua công tác thanh kiểm tra đã đề xuất những kiến nghị về cơ chế, chính sách thiết thực, từ đó làm cơ sở sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

8. Công tác đơn giản hóa thủ tục hành chính và áp dụng dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực giá liên tục được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trong quá trình thực hiện.

Tính đến ngày 18/12/2014 số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giá trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính là 13 TTHC, trong đó: ban hành mới 9 thủ tục hành chính cấp trung ương và 4 thủ tục hành chính cấp tỉnh, đồng thời bãi bỏ 31 thủ tục cũ đã công bố trước đây, tỷ lệ thủ tục bãi bỏ là 42%.

Tính đến ngày 29/03/2017, đã tiếp tục rà soát bãi bỏ các thủ tục hành chính và số thủ tục hành chính về giá còn 08 TTHC, bãi bỏ 02 thủ tục hành chính, trong đó: bãi bỏ 01 thủ tục hành chính cấp trung ương và 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh, tỷ lệ thủ tục được bãi bỏ là 20%.

Đã triển khai xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với thủ tục Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc danh sách đăng ký giá tại Bộ Tài chính; thủ tục Cấp và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Tại địa phương, hầu hết dịch vụ công trực tuyến đã đang thực hiện cấp độ 3 và đặc biệt một số địa phương đã triển khai mức cao nhất là dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4. Đồng thời, việc tổ chức thực hiện tiếp nhận các hồ sơ thủ tục hành chính của dịch vụ công trực tuyến đa phần được các địa phương thực hiện theo mô hình tập trung tại Trung tâm hành chính công của tỉnh.

III. CÁC TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Sau hơn 8 năm thực hiện Luật, phát sinh một số tồn tại, hạn chế nhất định; thể hiện ở 3 nhóm sau: (i) Tồn tại, hạn chế trong chính các quy định của Luật; (ii) Hạn chế, bất cập giữa Luật giá với các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan; (iii) Tồn tại, hạn chế trong khâu tổ chức thi hành Luật.

1. Tồn tại, hạn chế trong các quy định tại Luật giá:

a. Một số thuật ngữ cần phải rà soát để thể hiện rõ nội hàm để bao quát, mô tả được hết đặc điểm, tình hình mới trong thực tiễn phát sinh; một số thuật ngữ còn có cách hiểu khác nhau cần phải rà soát sửa đổi, bổ sung hoàn thiện để bảo đảm tính thống nhất đồng bộ trong khâu thực hiện, ví dụ như thuật ngữ hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, định giá và định giá nhà nước, thẩm định giá với thẩm định giá nhà nước...

b. Đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá được quy định cụ thể tại Luật để thể hiện rõ quan điểm trong công tác quản lý, điều hành giá, tăng cường tính công khai, minh bạch, tránh sự lạm dụng phát sinh các trường hợp không cần thiết, tuy nhiên trong thực tiễn hiện đã phát sinh tồn tại, hạn chế sau:

Việc điều chỉnh danh mục mặt hàng thực hiện bình ổn giá còn phức tạp, khó đáp ứng yêu cầu thực tiễn cần triển khai ngay đối với một biện pháp điều tiết có tính thời điểm. Quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật giá thì “Trong trường hợp cần thiết điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện Bình ổn giá được quy định tại khoản 2 Điều này, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.” Việc giải trình để Chính phủ trình Ủy ban thường vụ

Quốc hội xem xét quyết định sẽ mất một khoảng thời gian khá dài theo quy định; trong khi đó việc thực hiện Bình ổn giá phải mang tính chất tức thời, trong thời điểm hàng hóa dịch vụ có biến động bất thường, ảnh hưởng đến ổn định kinh tế - xã hội, ảnh hưởng lợi ích của các tổ chức cá nhân, mặt bằng giá, mục tiêu kiểm soát lạm phát,... Trong thực tế thì khi có phát sinh mặt hàng có biến động lớn, ảnh hưởng đến mặt bằng giá chung và kinh tế xã hội cần phải có biện pháp bình ổn giá nhưng không thực hiện được vì không nằm trong danh mục (ví dụ như mặt hàng thịt lợn thời gian qua). Vì vậy việc đặt thẩm quyền quyết định danh mục cụ thể cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Luật cũng như việc quy định điều kiện để đưa mặt hàng nào đó vào thực hiện bình ổn giá vẫn còn thiếu sự linh hoạt, kịp thời. Điều này cũng tương tự với chính sách về định giá khi Chính phủ thiếu cơ chế pháp lý để thực hiện ngay công tác điều hành trong các trường hợp cần thiết. Do vậy có thể nói qua hơn 8 năm thực hiện, chính sách này vẫn chưa phát huy hết được tính hiệu lực, hiệu quả.

Mặt khác, trong danh mục mặt hàng thực hiện bình ổn giá quy định trong Luật hiện nay có những mặt hàng từ khi Luật giá đưa vào thi hành đến nay chưa phát sinh yêu cầu thực hiện bình ổn giá. Theo đánh giá cho thấy việc không có phát sinh cũng là phù hợp vì giá cả các mặt hàng là phù hợp với các quy luật thị trường; Tuy nhiên, với điều kiện kinh tế xã hội phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn qua và tầm nhìn đến giai đoạn tiếp theo thì một số mặt hàng nên được xem xét đưa ra khỏi danh mục thực hiện bình ổn giá.

Tại Luật giá đã có quy định về nguyên tắc xác định hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và gắn với đó Luật giá cũng quy định danh mục chi tiết các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trên thực tiễn, việc triển khai nhiệm vụ định giá nhà nước đối với danh mục hàng hóa quy định tại Luật và các văn bản hướng dẫn cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước; Tuy nhiên, hiện nay việc quy định danh mục nhà nước định giá còn được mở rộng, dần trải tại nhiều pháp luật chuyên ngành. Đồng thời, trong thực tiễn công tác quản lý, điều hành phát sinh cho thấy trong các trường hợp đặt ra vấn đề phải sửa đổi, bổ sung thì các thủ tục trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thường sẽ mất nhiều thời gian theo quy định hiện hành; Do đó, sẽ khó đáp ứng được mục tiêu quản lý cần phải triển khai ngay các biện pháp quản lý đối với các mặt hàng thiết yếu có giá biến động ảnh hưởng đến an sinh xã hội, đời sống người dân và dư luận xã hội.

Ngoài ra, thẩm quyền điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá cũng là Ủy ban thường vụ Quốc hội tương tự như danh mục bình ổn giá vì vậy cũng sẽ không đảm bảo tính kịp thời, tiến độ cấp thiết đề ra của việc triển khai biện pháp quản lý nhà nước trong các bối cảnh cấp bách đặt ra. Như việc đề xuất bổ sung mặt hàng sách giáo khoa vào danh mục nhà nước định giá trong năm 2020 được đánh giá là cần thiết và phải triển khai ngay để đáp ứng yêu cầu thực tiễn về quản lý. Tuy nhiên do quy trình trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phải có đủ thời gian, nhưng cũng không khả thi vì khi phát sinh thì Ủy ban thường vụ Quốc hội vẫn yêu cầu sửa Luật. Vì vậy vấn đề vẫn không

được xử lý kịp thời. Bên cạnh đó, có những hàng hóa, dịch vụ do điều kiện kinh tế xã hội có sự thay đổi liên tục được đánh giá không cần thiết tiếp tục thực hiện định giá thì lại rất khó để đưa ra khỏi danh mục.

Điều này thể hiện tính “cứng” của danh mục định giá, việc quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại Luật (được giao cho Ủy ban thường vụ Quốc hội kiểm soát) là nhắm hướng đến việc giám sát song lại thiếu sự linh hoạt trong thực tiễn triển khai và chưa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu quản lý giá. Bên cạnh đó, theo quy định tại Hiến pháp năm 2013 quy định chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ thống nhất quản lý về kinh tế, bảo vệ quyền lợi và lợi ích của nhà nước và xã hội, thực hiện điều hành giải pháp cụ thể song thực tiễn lại thiếu linh hoạt trong hoạt động này.

Quy định về nguyên tắc để xác định phạm vi hàng hóa, dịch vụ thực hiện định giá nhà nước đã không bao quát hết được các hàng hóa cần thực hiện định giá trong thực tiễn. Cụ thể khi Luật giá có hiệu lực thì việc quy định 3 nguyên tắc tại khoản 1 Điều 19 Luật giá là phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội. Tuy vậy trong thực tiễn hiện nay, có những mặt hàng do tính chất cần thiết nên mặc dù không thuộc 3 nguyên tắc đặt ra tại Luật giá nhưng vẫn được được bổ sung vào danh mục hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá. Các mặt hàng này chủ yếu thuộc diện có yếu tố *độc quyền thị trường sản xuất, kinh doanh* có tác động ảnh hưởng đến đời sống kinh tế xã hội hoặc các mặt hàng đặc thù độc quyền địa bàn, có thị trường hạn chế hoặc có vị thế thống lĩnh thị trường. Từ những vấn đề thực trạng trên cho thấy cần thiết phải bổ sung thêm nguyên tắc để xác định các hàng hóa, danh mục thuộc diện định giá nhà nước tại Luật Giá để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các Luật; Đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho các trường hợp phát sinh khác. Ví dụ như việc Bộ Giáo dục và Đào tạo đề xuất bổ sung sách giáo khoa vào danh mục định giá; là mặt hàng có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống kinh tế xã hội, có tính độc quyền tự nhiên nên cần có cơ chế kiểm soát giá (định khung giá) để khắc phục những khiếm khuyết của thị trường.

(Bảng tổng hợp danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại

Phụ lục số 2 đính kèm).

c. Việc phân công, phân cấp trong quản lý giá được giao cho Chính phủ quy định chi tiết tại các văn bản hướng dẫn Luật. Trong thực tiễn cho thấy, việc tại Luật chưa đặt ra các nguyên tắc trong phân công, phân cấp đã làm việc phân công, phân cấp của Chính phủ trong thực tiễn đôi lúc còn chưa thể hiện rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong từng khâu cho nên trong một số trường hợp không phát huy được hết tính hiệu quả; việc phân cấp định giá Nhà nước từ trung ương xuống địa phương còn thiếu tính đồng bộ tại tất cả các địa phương.

- *Đối với các cơ quan Trung ương*, việc phân công nhiệm vụ giữa Bộ Tài chính với các Bộ, ngành còn khá dàn trải dẫn đến nhiều đầu mối quản lý giá, trong khi quy trình thực hiện chưa gắn với trách nhiệm của cơ quan chủ trì thực hiện nên khi có những phát sinh vướng mắc thường có sự đùn đẩy trách nhiệm. Cơ chế phân công đôi khi còn chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng “cơ quan nào làm

được thì phân công” mà chưa gắn với yếu tố chuyên ngành, chuyên môn, thiếu tính nguyên tắc để đề cao trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Trên một khía cạnh khác là việc phân công nhiệm vụ chưa tính hết được khả năng đáp ứng, cho nên trong một số lĩnh vực việc triển khai nhiệm vụ rất chậm, nhất là đối với những nhóm hàng hóa, dịch vụ phải điều chỉnh theo lộ trình. Trong bối cảnh hiện nay, nhất là khi không còn cơ chế liên tịch thì việc rà soát đánh giá để có sự điều chỉnh trong phân công lại nhiệm vụ giữa các cơ quan Trung ương là cần thiết.

Ngoài ra, việc giao Chính phủ định giá đối với một số mặt hàng như khung giá cho thuê mặt nước, khung giá cho thuê, mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ là không còn phù hợp vì việc quyết định giá không phải là vấn đề cơ chế chính sách, vì vậy việc nghiên cứu để chuyển giao thẩm quyền quyết định cho Thủ tướng Chính phủ hoặc các Bộ chuyên ngành sẽ phù hợp hơn về nguyên tắc điều hành. Tuy nhiên đối với mặt hàng quan trọng như khung giá đất, vẫn giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định do đây là mặt hàng đặc thù, có ảnh hưởng sâu rộng đến toàn diện kinh tế, xã hội.

- *Đối với các cơ quan địa phương*, trên cơ sở phân cấp một số nhiệm vụ từ cơ quan trung ương cho Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, địa phương được quyền giao nhiệm vụ cho các Sở, ban ngành; Việc phân cấp xuống địa phương chưa đưa ra nguyên tắc cụ thể để làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục phân công trách nhiệm thực hiện cho các Sở, ngành chuyên môn. Dẫn đến trên thực tế triển khai cho thấy không có sự thống nhất giữa các địa phương; có những mặt hàng giao Sở chuyên ngành nhưng có tỉnh giao Sở Tài chính; trong khi trách nhiệm thẩm định phương án giá do Sở Tài chính thực hiện. Vì vậy, trong đa số các trường hợp khi có phát sinh vướng mắc phải giải trình với các cơ quan chức năng thì trách nhiệm đều thuộc Sở Tài chính. Trong quá trình tổng kết đánh giá một số địa phương có ý kiến nên nghiên cứu phương án giao tập trung nhiệm vụ quản lý giá vào một đầu mối. Nếu giao các Sở chuyên ngành thì Sở Tài chính chỉ thẩm định, nhưng phải quy định một số trách nhiệm của Sở chuyên ngành; còn nếu không thì giao tập trung hết vào một đầu mối Sở Tài chính sẽ thuận lợi hơn. Vấn đề này cũng cần phải có nguyên tắc tại Luật để UBND các tỉnh thực thi trách nhiệm của mình hiệu quả hơn.

d. Về phạm vi và biện pháp bình ổn giá chưa linh hoạt, hiệu quả chưa cao khi có phát sinh biến động giá của những mặt hàng thiết yếu, quan trọng đối với đời sống nhân dân và toàn xã hội, nhất là trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh. Phạm vi thực hiện biện pháp chưa thật sự rõ ràng khiến cho cơ quan quản lý khó khăn trong việc quyết định triển khai. Theo đó, cả 2 tiêu chí được nêu tại Luật là khi giá hàng hóa, dịch vụ có biến động bất thường hoặc khi mặt bằng giá biến động ảnh hưởng đến ổn định kinh tế, xã hội đều là các chỉ tiêu khó lượng hóa, gây khó khăn khi quyết định thế nào là giá biến động bất thường hoặc có ảnh hưởng lớn đến kinh tế xã hội để triển khai. Thực tiễn thì cơ chế về bình ổn giá mới chỉ được triển khai một lần đối với giá sữa cho trẻ em dưới 06 tuổi và một lần thí điểm đối với giá dịch vụ bốc dỡ Công-te-nơ.

- Các biện pháp để thực hiện bình ổn giá vẫn còn chưa mang tính thực tế cao, áp dụng biện pháp bình ổn giá trong thực tế từ khi Luật giá ra đời đến nay rất khó thực thi; do đó khi lựa chọn phương pháp thực hiện vẫn còn gây nhiều khó khăn. Vì vậy cần nghiên cứu một quy trình thống nhất, chi tiết, nguyên tắc thực hiện khi thực hiện bình ổn giá. Đặc biệt đối với việc áp dụng thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá cần được đánh giá là một quy trình bắt buộc khi thực hiện các biện pháp bình ổn giá, nhất là khi áp dụng biện pháp định giá tối đa, giá tối thiểu, giá cụ thể đối với mặt hàng bình ổn giá.

- Đối với việc thực hiện bình ổn giá tại địa phương, mặc dù tại Luật cũng như các văn bản dưới Luật có quy định về quyền, trách nhiệm và các trường hợp thực hiện bình ổn giá tại địa phương theo thẩm quyền của UBND. Tuy nhiên lại ràng buộc khi Chính phủ triển khai bình ổn giá thì các địa phương mới thực hiện theo chủ trương chung và hướng dẫn của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành làm giảm tính linh hoạt trong thực hiện chính sách bình ổn giá ở các địa phương. Đặc biệt là những vấn đề có tính cục bộ tại địa phương, khi xảy ra các trường hợp đặc biệt, khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh chỉ phát sinh trên các địa bàn nhất định.

d. Đối với việc định giá Nhà nước, theo quy định bảo đảm nguyên tắc bù đắp đủ chi phí, có lợi nhuận (tính đúng, tính đủ) là phù hợp với các nguyên tắc thị trường, theo đúng chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý giá trong các giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, với một số trường hợp đặc thù như các dịch vụ cũng được chuyển từ phí sang giá thì việc đảm bảo thực hiện ngay nguyên tắc này sẽ rất khó trong khâu tổ chức thực hiện nếu không có các quy định cụ thể về điều kiện và lộ trình thực hiện. Một số dịch vụ mang tính chất công ích, sự nghiệp công có ảnh hưởng nhạy cảm đến đời sống xã hội như dịch vụ sử dụng đường bộ, dịch vụ sử dụng đò phà tại các vùng sâu, vùng xa, dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt... thì ngoài việc phải tính đúng, tính đủ các chi phí còn phải tính đến các yếu tố về thu nhập của người dân hoặc điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Do vậy, cần thiết phải bổ sung nguyên tắc về lộ trình triển khai cơ chế giá thị trường tại Luật.

- Về *Phương pháp định giá*, tại Luật giá quy định: “*Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình.*”

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 25/2014/TT-BTC về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ: Theo đó, quy định 2 phương pháp định giá (i) phương pháp so sánh (ii) phương pháp chi phí. Xét theo phương diện chuyên môn thì 2 phương pháp tại Thông tư 25/2014/TT-BTC đã cơ bản bao quát hết các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục. Vì vậy, việc quy định có phương pháp định giá riêng nhưng không có quy định điều kiện để giới hạn việc xây dựng, ban hành đã dẫn đến một số trường hợp ban hành phương pháp riêng nhưng thực chất chính là phương pháp chi phí kết hợp với việc hướng dẫn chi tiết hơn ở việc xác định một số khoản chi phí đặc thù là không

cần thiết. Nếu tiếp thực hiện theo nguyên tắc này có thể dẫn đến không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khó tránh có xung đột pháp luật. Đánh giá tình hình thực hiện cho thấy một số bất cập như sau:

Việc giao các Bộ, ngành hướng dẫn phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý sẽ dẫn đến việc nhiều phương pháp được quy định rải rác tại pháp luật chuyên ngành và sẽ khó kiểm soát, ảnh hưởng đến việc áp dụng trong thực tiễn, thậm chí xảy ra chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu sự thống nhất với các nguyên tắc cơ bản tại phương pháp định giá chung, một phần do vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành về giá.

Mặt khác, việc giao các Bộ, ngành quy định phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ cụ thể áp dụng cho từng hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực là hướng đến việc tăng cường quản lý chuyên ngành, gắn với tính chất mặt hàng song trong thực tiễn nhiều Bộ, ngành còn lúng túng, chậm trễ trong việc xây dựng phương pháp định giá theo thẩm quyền, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai định giá đối với hàng hóa, dịch vụ.

Trong khi đó, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định phương pháp định giá cho thấy phương pháp chủ yếu được áp dụng khi thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ vẫn là phương pháp chi phí, gắn với định mức kinh tế kỹ thuật. Vì vậy, có thể áp dụng thực hiện chung theo thông tư 25/2014/TT-BTC, nhưng vấn đề vướng mắc là bởi nếu định mức kinh tế kỹ thuật không đầy đủ thì sẽ không thể xây dựng được chi phí và gây ra chậm, muộn về tiến độ triển khai định giá đối với hàng hóa, dịch vụ. Mặt khác, hiện nay đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thì có các hình thức định giá gắn với mục tiêu quản lý gồm: định giá cụ thể, định giá tối đa, định giá tối thiểu, định khung giá. Tuy vậy, việc chỉ quy định một phương pháp chi phí gắn với các định mức kinh tế kỹ thuật là chưa đầy đủ, đảm bảo tính tương quan giữa hình thức định giá và phương pháp định giá. Trong khi đó, khi chuyển mạnh hướng quản lý giá theo cơ chế thị trường thì việc định phương pháp định giá gắn với tiếp cận từ thu nhập sẽ tạo thuận lợi cho việc định giá nhất là các dịch vụ gắn với cả những yếu tố nhân lực có trình độ cao (dịch vụ giáo dục, y tế...). Bên cạnh đó, phương pháp so sánh mặc dù là phương pháp có tính chất thị trường cao nhưng hiện nay chỉ phù hợp áp dụng trong một số trường hợp định giá đối với mua, bán hàng dự trữ...

- Về các hình thức định giá đang áp dụng (giá cụ thể, khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu) chưa bao quát, đáp ứng được những phát sinh trong thực tiễn gần đây. Thực hiện đầy mạnh chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công tác quản lý giá cũng được chuyển đổi mạnh mẽ, nhiều mặt hàng quan trọng thiết yếu, có tính độc quyền có tác động ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng chưa đến mức phải định giá như xăng dầu, gas, than bán cho sản xuất điện, phân bón; dịch vụ hoa tiêu, sách giáo khoa, một số dịch vụ cảng biển và một số mặt hàng nông sản,... đã được đưa ra khỏi danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trong thực tiễn hơn 8 năm qua cho thấy việc nhà nước không định giá những hàng hóa, dịch vụ này là đúng đắn, phù hợp với cơ chế thị trường, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động

trong định giá hàng hóa, dịch vụ, nhưng cũng từ thực tiễn cho thấy có những hạn chế nhất định khi nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh chưa có sự cạnh tranh hoàn hảo, doanh nghiệp vẫn có thể lợi dụng vị thế của mình để quyết định giá hàng hóa, dịch vụ không phù hợp nguyên tắc thị trường. Tuy nhiên trong các trường hợp này, Nhà nước lại thiếu công cụ điều hành giá để có thể định hướng thị trường, nâng cao tính minh bạch trong việc quyết định giá hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp, tổ chức; Một số mặt hàng thực hiện kê khai giá thì chỉ mang tính theo dõi về thông tin, không đi kèm với các biện pháp quản lý cụ thể nên khó có thể thực hiện điều hành theo yêu cầu thực tiễn của kinh tế xã hội.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn quản lý thì hiện một số mặt hàng đã được quản lý, điều hành giá thông qua những hình thức có tính gián tiếp, đặc thù như đối với xăng dầu (giá cơ sở), thóc lúa (giá định hướng). Theo quy định tại Nghị định 83/2014/NĐ-CP thì giá cơ sở xăng dầu là mức giá để điều hành giá bán cụ thể của doanh nghiệp, giá cơ sở có tính chất định hướng và hạn chế lạm dụng vị thế của mặt hàng để ấn định giá không phù hợp; thông qua giá cơ sở trong giai đoạn vừa qua là một trong các thành công trong việc đưa giá xăng dầu theo đúng cơ chế thị trường, đảm bảo công khai, minh bạch đến xã hội nhưng vẫn đảm bảo về khả năng điều hành gián tiếp của Nhà nước.

Từ những vấn đề trên cho thấy bên cạnh việc quản lý giá theo biện pháp định giá nhà nước và các hình thức định giá hiện nay, cần thiết phải nghiên cứu, bổ sung một hình thức giá mới có sự tham gia mang tính định hướng của Nhà nước để điều hành thông qua một số hình thức gián tiếp, tương tự hiện nay đối với như công bố giá cơ sở (như đối với xăng dầu), giá định hướng (đối với giá thóc). Một mặt khác, cần phải có cơ chế pháp lý để đưa phương pháp định giá là một trong các biện pháp quản lý, điều hành giá của một số hàng hóa, dịch vụ phù hợp với tính chất mặt hàng và yêu cầu quản lý điều hành giá. Theo đó, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải căn cứ vào phương pháp định giá do nhà nước ban hành để quyết định giá, cơ quan nhà nước sẽ tiến hành kiểm tra việc thực hiện nhằm bảo đảm duy trì tính minh bạch trong triển khai.

e. Công tác hiệp thương giá đã góp phần khắc phục những khuyết tật của thị trường đối với các hàng hóa, dịch vụ độc quyền, cạnh tranh hạn chế nhưng vẫn còn có bất cập về phạm vi áp dụng biện pháp hiệp thương giá và về giá trị pháp lý của mức giá hiệp thương thành công, mức giá tạm thời khi hiệp thương không thành công. Thực tế, trong những năm qua theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc đề nghị của các doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã tổ chức hiệp thương giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ sau: Than bán cho 4 hộ tiêu dùng lớn (điện, xi măng, phân bón, giấy); Cước vận chuyển than cho sản xuất điện bằng đường sông; Vật liệu nổ công nghiệp bán cho khai thác khoáng sản; Phí tra nạp nhiên liệu cho máy bay. Tại địa phương, công tác hiệp thương giá theo quy định của Luật Giá chủ yếu thực hiện theo phân cấp và được Sở Tài chính chủ trì, tổ chức hiệp thương theo đúng trình tự quy định. Một số địa phương đã tổ chức hiệp thương giá thành công và đem lại lợi ích hài hòa cho các bên tham gia như:

Sở Tài chính Ninh Bình đã tổ chức hiệp thương giá xử lý nước thải của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thành Nam tại Khu Công nghiệp Khánh Phú vào tháng 3/2014. Sở Tài chính Quảng Ngãi đã thực hiện hiệp thương giá đối với các công ty vận tải thực hiện đậu xe ở các bến xe, bến cảng...

Từ thực tiễn triển khai các quy định pháp luật về hiệp thương giá cho thấy tính đúng đắn, phù hợp với cơ chế quản lý giá theo thị trường có sự điều tiết của Nhà nước trong bối cảnh hiện nay. Thông qua hiệp thương sẽ kịp thời xử lý, khắc phục được những hạn chế, bất cập trong hoạt động mua – bán hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền nhưng chưa đến mức phải có sự can thiệp từ Nhà nước bằng biện pháp định giá; ngăn ngừa được tình trạng thao túng giá, ép giá (từ cả hai phía, bên mua và bên bán), qua đó tạo ổn định thị trường và mặt bằng giá. Tuy nhiên, hiện đã phát sinh một số bất cập cần khắc phục. Cụ thể là:

- Về phạm vi áp dụng biện pháp hiệp thương giá (Khoản 1 Điều 25 Luật giá) quy định 2 trường hợp được hiệp thương giá. Trong đó, đối với việc quy định hàng hóa, dịch vụ hiệp thương không thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá là không cần thiết do tính chất của biện pháp định giá nhà nước là việc nhà nước quyết định giá nên không thể phát sinh trường hợp các bên không thỏa thuận được mức giá mua, bán hàng hóa, dịch vụ.

Bên cạnh đó, việc quy định điều kiện hiệp thương giá trong thực tế lại chưa quy định rõ về tính chất của các bên mua, bán hàng hóa, dịch vụ. Với bản chất của biện pháp hiệp thương giá là việc cơ quan nhà nước đứng ra làm trọng tài cho việc đàm phán, thỏa thuận giá thì việc phát sinh hiệp thương sẽ chỉ đúng trong trường hợp khi có tranh chấp giữa các bên là doanh nghiệp với doanh nghiệp khi không thỏa thuận mua bán hàng hóa, dịch vụ. Tuy nhiên, phải gắn với cả tính chất của hàng hóa, dịch vụ là phải có tính độc quyền (cả độc quyền mua và độc quyền bán) hoặc phụ thuộc không thể thay thế, có thị trường hạn chế. Ví dụ trong trường hợp hiệp thương giá than bán cho điện trong thực tế thì 2 bên không thể thống nhất được mức giá là Tập đoàn điện lực và Tập đoàn than khoáng sản, Tổng công ty Đông Bắc... là phù hợp với bản chất, điều kiện, yêu cầu của việc thực hiện hiệp thương giá. Tuy nhiên đối với trường hợp hiệp thương giá được thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đối với sinh phẩm y tế phục vụ chuẩn đoán Covid – 19 thì lại phát sinh giữa Bộ Y tế và doanh nghiệp là chưa thật sự phù hợp với bản chất biện pháp cũng như các quy định khác liên quan đến mức sản nhà nước theo Luật đấu thầu.

Từ thực tiễn triển khai hiệp thương giá cho thấy, việc quy định thẩm quyền yêu cầu hiệp thương giá của “Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” (Điều 23 Luật giá) là không cần thiết, dễ gây các cách hiểu khác nhau trong triển khai pháp luật; Biện pháp hiệp thương giá được quy định nhằm giải quyết các phát sinh tranh chấp có tính chất thị trường, khắc phục các bất cập trong mua, bán hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền, phụ thuộc nên yêu cầu về hiệp thương giá chỉ xuất phát từ nhu cầu cấp thiết của các bên mua và bên bán.

- Về giá trị pháp lý của mức giá hiệp thương thành công, mức giá tạm thời khi hiệp thương không thành công chưa rõ ràng; chưa có các quy định cụ thể để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên tham gia hiệp thương bao gồm cả bên mua, bên bán và cơ quan tổ chức hiệp thương. Điều này trong một số trường hợp có thể khiến việc hiệp thương giá diễn ra kém hiệu quả khi các bên không có đầy đủ cơ sở pháp lý để đảm bảo cho việc thực hiện mức giá hiệp thương thành công; đôi khi cũng như có thể dẫn đến sự tùy ý trong cách xác định mức giá tạm thời khi các quy định về quy trình cơ bản về cách xác định mức giá hiện chưa nằm tại Luật.

g. Biện pháp đăng ký giá và kê khai giá thể hiện rất rõ chủ trương quản lý, điều hành giá theo thị trường có sự quản lý Nhà nước, đây là công cụ hữu hiệu của nhà nước thực hiện điều tiết thị trường chủ yếu bằng các biện pháp vĩ mô và gián tiếp. Tuy nhiên, kết quả đạt được khi triển khai thực tế chưa cao do có những bất cập về danh mục, biện pháp thực hiện, nhất là đối với các hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù.

- Đối với biện pháp đăng ký giá, hiện nay là một trong các biện pháp để thực hiện bình ổn giá; Theo đó, trong trường hợp Chính phủ áp dụng biện pháp bình ổn giá và sử dụng biện pháp đăng ký giá thì tổ chức sản xuất, kinh doanh phải thực hiện gửi bản đăng ký giá (bao gồm cả việc giải trình về các yếu tố chi phí hình thành giá) để cơ quan quản lý rà soát. Tuy vậy, việc áp dụng biện pháp đăng ký giá đến nay lại rất hạn chế (mới chỉ thực hiện 01 lần đối với giá sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi) do các bất cập:

+ Theo phân tích từ chính sách đã đề cập, việc thực hiện bình ổn giá rất hạn chế nên kéo theo việc triển khai các biện pháp nằm trong bình ổn giá cũng không được áp dụng nhiều trong thực tiễn.

+ Bản thân biện pháp đăng ký giá có tính kiểm soát của nhà nước nhưng kết quả kiểm soát lại chưa được pháp lý hóa rõ ràng. Các quy định chi tiết tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP mới chỉ quy định về quyền tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá mà chưa có các quy định về kiểm soát hoặc chế tài xử lý kèm theo.

Về mặt hình thức, 2 biện pháp kê khai giá, đăng ký giá có tính chất tương đồng cao, chỉ khác nhau việc báo cáo, giải trình các yếu tố hình thành giá với cơ quan quản lý.

- Đối với biện pháp kê khai giá, tại Luật giá quy định kê khai chỉ là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gửi thông báo mức giá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa thuộc danh mục kê khai giá; Doanh nghiệp có trách nhiệm bán hàng hóa, dịch vụ theo mức giá đã kê khai (có thể tăng, giảm trong phạm vi 5%); Giám sát biến động chi phí, yếu tố hình thành giá đối với các mặt hàng đặc thù này thông qua công tác kê khai giá. Tuy nhiên, không có quy định cơ chế giám sát thực hiện, cơ chế kiểm soát hoạt động kê khai giá, và nhất là việc xử lý của cơ quan tiếp nhận kê khai khi phát hiện trường hợp điều chỉnh giá bất hợp lý, như vậy

biện pháp kê khai giá chưa thể hiện được tác dụng rõ nét đối với cả cơ quan quản lý và cả phía đơn vị thực hiện. Đối với một số mặt hàng có tính đặc thù, độc quyền mua hoặc bán, giá bán là chi phí, đầu vào của một số mặt hàng khác khi áp dụng quy trình chung không phù hợp; Hồ sơ kê khai không có đủ thông tin để điều hành, cơ chế giám sát không đủ để có các biện pháp quản lý nhà nước phù hợp trong những trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên, nhất là khi thị trường có biến động cần có ngay các giải pháp điều hành, bình ổn giá phù hợp.

+ Về danh mục kê khai giá: Số lượng mặt hàng hiện đang quy định kê khai giá là khá nhiều, tổng là 26 mặt hàng (trong đó có 11 mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá). Tuy nhiên, trong thực tế thi hành chưa thể hiện rõ ràng hiệu quả của công tác kê khai giá; kết quả xử phạt trong lĩnh vực kê khai giá còn hạn chế.

+ Về mức giá kê khai, thời điểm kê khai và hình thức kê khai theo quy định hiện hành đã có hạn chế nhất là đối với một số mặt hàng có đặc điểm rất đa dạng, phong phú về chủng loại, tên thương mại nên khi thực hiện kê khai danh mục kê khai của một mặt hàng sẽ rất khó khăn; một mặt khác là nếu tiếp tục áp dụng thời điểm kê khai trước khi bên mua hàng hóa cũng sẽ khó khăn, làm giảm sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp khi yếu tố giá hàng hóa, dịch vụ thường phải đưa ra quy định kịp thời với xu hướng thị trường tại một thời điểm nhất định.

h. Đối với công tác kiểm tra, thanh tra giá: Tại Luật giá chưa có các quy định có tính nguyên tắc và cụ thể về công tác kiểm tra chấp hành pháp luật về giá; chế tài xử lý vi phạm trong lĩnh vực giá và thẩm định giá vẫn còn chưa đủ chặt chẽ, đảm bảo theo kịp với sự phát triển, thay đổi không ngừng của kinh tế xã hội nói chung cũng như từng ngành nghề nói riêng. Do vậy, công tác kiểm tra, thanh tra về giá luôn gặp khó khăn nhất định mỗi khi có yêu cầu tổ chức kiểm tra, thanh tra giá hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền. Trong bối cảnh trao nhiều quyền chủ động cho doanh nghiệp thì việc tăng cường công tác hậu kiểm là cần thiết được chú trọng hơn nữa.

i. Về thẩm định giá:

- Các quy định, hướng dẫn về điều kiện hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, hồ sơ và quy trình thực hiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá chưa hiệu quả, thiếu chặt chẽ dẫn đến việc kiểm soát chất lượng thẩm định giá của các doanh nghiệp còn hạn chế. Việc quy định về điều kiện cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thẩm định giá, hành nghề thẩm định giá tương đối mở dẫn đến số lượng doanh nghiệp thẩm định giá phát triển nóng. Việc phát triển nóng về số lượng các doanh nghiệp thẩm định giá trong thời gian gần đây dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp thay đổi người đại diện theo pháp luật liên tục trong thời gian ngắn hoặc thẩm định viên về giá có hiện tượng không làm toàn thời gian tại doanh nghiệp dẫn đến khó khăn cho công tác quản lý nhà nước cũng như làm giảm hiệu quả hoạt

động, trách nhiệm nghề nghiệp của các đối tượng này. Hiện Luật giá chưa có quy định chặt chẽ để đảm bảo tính ổn định về nhân sự của doanh nghiệp thẩm định giá, nhất là người đại diện theo pháp luật; chưa có quy định định tính về chất lượng hành nghề của thẩm định viên trong trường hợp phải đình chỉ hành nghề khi không đảm bảo chất lượng (ví dụ mỗi thẩm định viên hành nghề phải ký ít nhất 30 chứng thư thẩm định giá trong một năm). Một mặt khác cũng dẫn đến việc một số doanh nghiệp thẩm định giá, cũng như các thẩm định viên hành nghề thiếu kinh nghiệm, chưa chủ động cập nhật, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn dẫn đến những sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ.

Luật giá hiện quy định điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện dịch vụ thẩm định giá gồm:

(i) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;

(ii) Có ít nhất 3 thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp, trong đó có chủ doanh nghiệp đối với loại hình công ty TNHH một thành viên, có ít nhất 2 thành viên hợp danh đối với loại hình công ty hợp danh, có ít nhất 2 thành viên góp vốn đối với loại hình công ty TNHH 2 thành viên trở lên, có ít nhất 2 cổ đông đối với loại hình công ty cổ phần;

(iii) Người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc đối với loại hình công ty hợp danh, công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần, chủ doanh nghiệp đối với loại hình doanh nghiệp tư nhân phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp;

(iv) Đối với loại hình công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần có thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức thì phần vốn góp của thành viên là tổ chức không được vượt quá mức vốn góp do Chính phủ quy định, đồng thời người đại diện của thành viên là tổ chức phải là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp.

Với mục tiêu yêu cầu đặt ra trong giai đoạn này thì các điều kiện trên được đánh giá là quá mở trong khi nghề thẩm định giá là ngành nghề đòi hỏi tính chuyên môn cao, với số lượng trên 2300 thẩm định viên như hiện nay thì việc doanh nghiệp thẩm định giá có tối thiểu 3 thẩm định viên, chi nhánh của doanh nghiệp thẩm định giá có tối thiểu 02 thẩm định viên để kinh doanh dịch vụ thẩm định giá là rất dễ dàng. Luật giá cũng chưa có các quy định cụ thể về kinh nghiệm hành nghề của người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá, nhiều thẩm định viên mới được cấp thẻ thẩm định viên, chưa am hiểu về thị trường, thiếu các kiến thức hành nghề đã thành lập doanh nghiệp doanh nghiệp thẩm định giá, sau đó thu hút khách hàng bằng hạ giá dịch vụ dẫn đến chất lượng dịch vụ bị suy giảm, để tạm thời khắc phục, Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/02/2021 của Chính phủ cũng đã bổ sung điều kiện kinh nghiệm hành nghề của người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp thẩm định giá.

Luật giá cũng quy định loại hình công ty cổ phần, tuy nhiên, đối với loại hình này thì việc rà soát bảo đảm tính khách quan trong quá trình thẩm định giá, hạn chế các lợi ích liên quan giữa doanh nghiệp thẩm định giá và khách hàng thẩm định giá là khó khả thi trong trường hợp các công ty cổ phần trở thành công ty đại chúng. Nhất là đối với loại hình cung cấp dịch vụ có tính chuyên môn sâu thì yêu cầu về chất lượng luôn gắn với con người thực hiện, vấn đề vốn đầu tư và kinh phí duy trì hoạt động không nhiều. Trong khi đó, với trách nhiệm phải luôn gắn với cá nhân và cả doanh nghiệp thì việc có quy định mô hình doanh nghiệp thẩm định giá là công ty cổ phần sẽ không phù hợp.

- Theo quy định của Luật giá, tiêu chuẩn của thẩm định viên về giá bao gồm: có năng lực hành vi dân sự; có phẩm chất đạo đức, liêm khiết, trung thực, khách quan; tốt nghiệp đại học chuyên ngành liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá; có thời gian công tác thực tế theo chuyên ngành đào tạo từ 36 tháng trở lên sau khi có bằng tốt nghiệp đại học theo chuyên ngành liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá; có chứng chỉ đã qua đào tạo nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá do cơ quan có thẩm quyền cấp và có Thẻ thẩm định viên về giá theo quy định của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cho thấy, quy định trên nảy sinh một số vấn đề bất cập.

Một là, Luật chưa quy định thời gian công tác thực tế theo chuyên ngành đào tạo phải là thời gian làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá với nhiệm vụ công việc liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá, do đó, nhiều trường hợp đã làm việc 36 tháng, nhưng không phải tại các doanh nghiệp thẩm định giá và công việc không liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá.

Hai là, Luật chưa quy định các nguyên tắc làm cơ sở phân chia thẩm định viên về giá theo loại tài sản. Theo quy định hiện hành, chỉ có 1 loại thẻ thẩm định viên về giá, người muốn trở thành thẩm định viên về giá phải thi đủ các môn thẩm định giá bất động sản, thẩm định giá máy, thiết bị và thẩm định giá doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế cho thấy số lượng lớn thẩm định viên sau khi được cấp thẻ và tham gia hoạt động thẩm định giá chỉ chuyên về thẩm định giá bất động sản (khoảng 65%), số còn lại vừa làm bất động sản, vừa làm về máy, thiết bị và một số ít làm về giá trị doanh nghiệp. Như vậy, việc chỉ có một loại thẻ thẩm định viên như hiện tại sẽ làm tăng chi phí cho người muốn trở thành thẩm định viên về giá, lãng phí nguồn lực của xã hội; bên cạnh đó đối với các hoạt động thẩm định giá đòi hỏi phải có chuyên môn sâu về tài chính như thẩm định giá doanh nghiệp, tài sản tài chính, tài sản vô hình thì hiện tại lại chưa chú ý nhiều đến yêu cầu chuyên môn sâu đối với mảng kiến thức này mà vẫn như các thông định viên thông thường. Kinh nghiệm quốc tế cũng chỉ ra rằng một số nước cũng phân loại thẩm định viên theo loại tài sản.

Ba là, Luật chưa quy định nguyên tắc làm cơ sở xác định Thẻ thẩm định viên về giá là chứng nhận về chuyên môn cao nhất trong hoạt động tư vấn định giá, thẩm định giá tài sản. Luật giá là luật gốc về công tác quản lý giá nói chung và quản lý về thẩm định giá nói riêng, đồng thời, đưa ra những yêu cầu chuyên môn rất cao để trở thành thẩm định viên về giá, Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định

giá cũng được xây dựng đồng bộ và đầy đủ để áp dụng trong thẩm định giá hầu hết các loại tài sản từ bất động sản đến các loại động sản, tuy nhiên, một số pháp luật chuyên ngành ban hành sau Luật giá như Luật đất đai năm 2013 lại quy định người có Thẻ thẩm định viên về giá vẫn phải tham gia khóa học về định giá đất để tham gia hoạt động tư vấn định giá đất cho cơ quan nhà nước (bản chất của việc tư vấn định giá đất là việc áp dụng pháp luật trong hoạt động tư vấn xác định giá đối với tài sản đặc thù là đất đai của nhà nước) là rất mâu thuẫn, tăng thêm các tiêu chuẩn điều kiện không cần thiết và sẽ gây cản trở hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, các thẩm định viên về giá theo quy định tại Luật giá.

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp chưa có quy định về mã ngành kinh tế cho dịch vụ này; thiếu quy định chi tiết và trách nhiệm đối với việc ủy quyền toàn bộ hoặc một phần hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp cho chi nhánh của mình.

- Các quy định về đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp chưa bao quát đầy đủ các trường hợp trong thực tiễn phát sinh hoặc chưa cụ thể. Thiếu các quy định về đình chỉ, thu hồi Thẻ thẩm định viên qua đó nhằm tăng cường công tác quản lý chất lượng hành nghề của thẩm định viên.

k. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước hiện chưa rõ phạm vi áp dụng thực hiện. Các trường hợp phải thực hiện thẩm định giá Nhà nước còn quy định chung chung dẫn đến khó xác định trường hợp cụ thể trong thực tế để thực hiện; chưa rõ phạm vi, chưa cụ thể danh mục các hàng hóa, dịch vụ thực hiện thẩm định giá Nhà nước để tạo sự minh bạch, rõ ràng trong thực tiễn vận dụng hình thức thẩm định giá Nhà nước. Điều 44 Luật giá quy định 4 trường hợp: (1). Mua, bán, thanh lý, cho thuê tài sản nhà nước hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; (2). Không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá; (3). Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước; (4). Mua, bán tài sản nhà nước có giá trị lớn mà sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan hoặc người có thẩm quyền phê duyệt thấy cần thiết phải có ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với quy định “*không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá*” thì chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về việc thuê doanh nghiệp phải thực hiện các bước, quy trình gì, sau khi thực hiện hết các bước mà không thuê được doanh nghiệp mới được áp dụng Hội đồng thẩm định giá Nhà nước. Ví dụ: Việc tìm kiếm, mời gọi các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chỉ thực hiện trong phạm vi địa phương, không mở rộng ra các địa phương khác, trong khi năng lực hoặc số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá tại địa phương đó không đáp ứng yêu cầu. Trường hợp “*mua, bán tài sản nhà nước có giá trị lớn*” cũng chưa có hướng dẫn về thuật ngữ “*giá trị lớn*”...

+ Đồng thời, ngày 21/6/2017, Quốc hội đã thông qua Luật quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó thuật ngữ “tài sản nhà nước” đã được thay thế bằng thuật ngữ “tài sản công”, đồng thời nội hàm của thuật ngữ tài sản công cũng

được chi tiết và rõ ràng hơn, cụ thể: *Tài sản công là tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, bao gồm: tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản công tại doanh nghiệp; tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; đất đai và các loại tài nguyên khác.* Như vậy, nếu chỉ thay thuật ngữ “tài sản nhà nước” bằng thuật ngữ “tài sản công” trong phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước tại Luật giá thì phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước sẽ bị giới hạn lại, không phù hợp với thực tiễn quản lý nhà nước về giá. Bên cạnh đó, cũng cần làm rõ hơn việc các cơ quan nhà nước sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm, thuê tài sản, liên doanh, liên kết với các đơn vị ngoài nhà nước thì cũng cần thực hiện hoạt động thẩm định giá của nhà nước theo thẩm quyền.

+ Về phương thức hoạt động thẩm định giá Nhà nước, Luật giá quy định: (1). Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá khi cần thiết để thẩm định giá đối với các trường hợp quy định tại Điều 44 của Luật giá. Hội đồng thẩm định giá giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ; (2). Hội đồng thẩm định giá có trách nhiệm thẩm định giá theo quy định của Luật giá, quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả thẩm định giá. Còn việc thành lập Hội đồng thẩm định giá như thế nào, điều kiện thành lập là gì, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng và các thành viên như thế nào thì chưa quy định rõ tại Luật, mà quy định tại Nghị định của Chính phủ; trong khi đó những nội dung liên quan đến điều kiện thành lập các doanh nghiệp thẩm định giá lại được quy định rõ tại Luật giá. Điều này vô hình chung làm vị thế pháp lý của Hội đồng thẩm định giá của nhà nước bị yếu đi, công cụ quản lý giá quan trọng này của nhà nước bị xem nhẹ.

Bên cạnh đó, thực tiễn trong những năm qua, nhiều Bộ ngành ở Trung ương, cũng như nhiều địa phương đã thực hiện việc thành lập các Hội đồng thẩm định giá nhà nước để thực hiện việc thẩm định giá tài sản phục vụ cho mục đích mua, bán, chuyển nhượng... thuộc thẩm quyền của đơn vị mình. Hoạt động thẩm định giá Nhà nước đã góp phần quan trọng giúp các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra các quyết định liên quan đến mua, bán tài sản... qua đó góp phần kiểm soát tài sản công, tiết kiệm chi ngân sách, đảm bảo sử dụng các nguồn lực của Nhà nước một cách hiệu quả. Tuy vậy, một số bộ ngành, địa phương chưa chủ động trong việc thực hiện hoạt động thẩm định giá của nhà nước: không thực hiện hoặc rất ít tài sản đưa vào thẩm định giá, cán bộ tham gia công tác liên quan đến thẩm định giá thiếu kiến thức chuyên môn sâu về thẩm định giá.

1. Đối với công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường và chỉ số giá: Tại Điều 7 Luật giá có quy định nội dung quản lý Nhà nước về giá gồm công tác tổng hợp, phân tích và dự báo giá thị trường, nhưng thể chế đối với nhiệm vụ này còn yếu, chưa có những cơ chế rõ ràng, hành lang pháp lý vững chắc để triển khai sâu rộng từ trung ương đến địa phương.

- Trong thực tiễn công tác quản lý, điều hành giá đã cho thấy vai trò quan trọng thiết yếu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường, đây là nghiệp vụ quản lý nhà nước thường xuyên phải thực hiện với sự chính xác và tính kịp thời đối với các biến động của thị trường; từ đó làm cơ sở cho các cấp thẩm quyền và Ban chỉ đạo điều hành giá đưa ra các kịch bản điều hành giá cũng như đưa ra các chính sách, biện pháp bình ổn giá thị trường. Nội dung về tổng hợp, phân tích, dự báo, điều hành chỉ được nêu ngắn gọn tại Điều 7 Luật giá quy định nội dung quản lý Nhà nước về giá gồm công tác tổng hợp, phân tích và dự báo giá thị trường, chưa đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc thực hiện công tác này trên thực tiễn nên việc xây dựng các báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường còn chưa được thể chế rõ ràng, quy định rải rác tại một số văn bản dưới Luật như Thông tư 116/2018/TT-BTC, Quyết định 690/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo điều hành giá... mà chưa đặt tại các văn bản có hiệu lực pháp lý cao như Luật hay Nghị định. Các nhiệm vụ triển khai hiện nay còn mang tính giao việc hành chính, chưa có quy phạm có tính nguyên tắc để đảm bảo việc tập trung nhân lực, nguồn lực cho công tác này đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu điều hành, quản lý giá của Chính phủ; Vẫn đang còn hạn chế về phản ứng chính sách của một số cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc sử dụng các công cụ kinh tế vĩ mô để điều tiết, bình ổn thị trường khi thị trường có những biến động bất thường còn chậm. Nguyên nhân do hiện nay chưa có các quy định cụ thể về công tác tổng hợp, phân tích và dự báo giá cả thị trường nên việc xây dựng các báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường còn mang tính giao việc hành chính, chưa có hiệu lực pháp lý cao để đảm bảo việc tập trung nhân lực, nguồn lực cho công tác này đảm bảo đáp ứng kịp thời yêu cầu điều hành, quản lý giá của Chính phủ.

- Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp trong triển khai nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo để làm nền tảng cho công tác chỉ đạo, điều hành chưa có nền tảng pháp lý trong Luật giá, dẫn đến hiệu lực triển khai còn hạn chế, có độ trễ về cung cấp thông tin và chất lượng thông tin cũng như chưa xác định được trách nhiệm rõ ràng khi xảy ra biến động bất thường về giá, hạn chế trong việc phối hợp thực hiện lộ trình điều chỉnh giá các dịch vụ thiết yếu theo lộ trình thị trường. Bên cạnh đó cũng chưa có cơ sở pháp lý để triển khai tại thông suốt từ trung ương đến địa phương.

- Tại Luật giá chưa có quy định về việc sử dụng chỉ số giá trong công tác quản lý nhà nước. Hiện nay một số pháp luật chuyên ngành có quy định về việc sử dụng chỉ số giá để điều chỉnh dự toán, giá cả, mức đầu tư... như Luật đầu tư công quy định việc điều chỉnh tiêu chí phân loại dự án đầu tư công trong một số trường hợp được thực hiện khi chỉ số giá có biến động lớn. Khi chỉ số giá trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định. Tuy nhiên, việc xây dựng chỉ số giá để điều chỉnh dự toán, vốn,...cần được nghiên cứu gắn với phương pháp xác định chỉ số giá đảm bảo phù hợp với diễn biến giá cả thị

trường và gắn với hiệu quả tài chính, đặc biệt tránh lãng phí, đội vốn ngân sách nhà nước.

- Việc triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về giá là một trong các nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan quản lý nhà nước về giá để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo để từ đó đưa ra các chính sách, biện pháp quản lý giá kịp thời, chính xác. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá được đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia chung của Chính phủ và cơ sở dữ liệu ngành Tài chính. Mặt khác, giá cả là vấn đề có tính tổng hợp, liên quan đến hầu hết các lĩnh vực của các Bộ, ngành, do vậy, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá có tính bao quát, đầy đủ được đánh giá là vô cùng cấp thiết.

Tuy nhiên, trên cơ sở rà soát, đánh giá thi hành Luật giá và các văn bản hướng dẫn cho thấy cơ sở pháp lý về nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá còn chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong quá trình xây dựng, thu thập thông tin từ các Bộ, ngành ngoài Bộ Tài chính. Cụ thể như tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP hiện nay đưa ra một số quy định chung về trách nhiệm trong xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về giá gồm cả Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các địa phương; Tuy nhiên các nội dung quy định chi tiết đều được nằm ở Thông tư 142/2015/TT-BTC thì lại chỉ hướng dẫn thực hiện đối với Bộ Tài chính và các địa phương. Do vậy, trách nhiệm về xây dựng cơ sở dữ liệu về giá hoặc cung cấp thông tin về giá của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực lại chưa được quy định rõ ràng, chi tiết.

Một mặt khác, việc quy định các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về giá như hiện nay mặc dù tăng cường trách nhiệm và tính chủ động của các đơn vị trong xây dựng cơ sở dữ liệu về giá nhưng thực tiễn cho thấy hiện nay các Bộ, ngành đều chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu về giá đối với ngành, lĩnh vực. Do đó, việc đặt ra vấn đề xây dựng các cơ sở dữ liệu tại các Bộ, ngành là khó khả thi và cần nghiên cứu các giải pháp chính sách nhằm có mô hình xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đảm bảo hiệu quả, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Một mặt khác là trong công tác chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ đạo điều hành giá, bên cạnh những kết quả đạt được cũng cho thấy một số hạn chế nhất định như tính pháp lý và hiệu lực pháp lý của chính sách điều hành giá được Ban chỉ đạo điều hành giá thống nhất thực hiện chưa được hiệu quả, chưa có tính áp dụng bắt buộc cao để đảm bảo các đối tượng liên quan phải thực hiện nhằm mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô hàng năm và trong từng thời kỳ. Đồng thời, công tác phối hợp của các bộ quản lý ngành với Bộ Tài chính (cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo điều hành) là rất quan trọng, đảm bảo thông tin, báo cáo được cập nhật nhanh, đầy đủ; tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hơn nữa, kịp thời trong công tác phối hợp cần được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo quyền và trách nhiệm của các bộ ngành liên quan trong công tác quản lý, điều hành giá của Ban chỉ đạo.

2. Hạn chế, bất cập giữa Luật giá với các Luật chuyên ngành

Luật giá 2012 đã thể chế các quan điểm, nguyên tắc cơ bản để thực hiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, qua đó đã tạo hành lang pháp lý cho các cơ quan quản lý thực hiện các biện pháp điều tiết. Tuy nhiên, với tính chất tất yếu và khách quan của hoạt động quản lý, điều hành giá cùng với những yêu cầu phát sinh trong thực tiễn thì tại một số Luật, Bộ Luật chuyên ngành khác đã thể chế hóa nhiều quy định về lĩnh vực giá. Trong đó, có những quy định chi tiết hơn một số vấn đề chuyên ngành liên quan đến quản lý giá song vẫn đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc và quy định cụ thể tại Luật giá; Tuy nhiên cũng có những Luật chuyên ngành đã quy định “mở rộng” hơn so với các quy định tại Luật giá; một số trong đó dẫn đến sự trùng lặp trong quy phạm, tuy nhiên cũng có một số quy định đã gây ra “chồng chéo, mâu thuẫn” với Luật giá. Cụ thể như:

2.1. Đối với các quy định liên quan đến biện pháp định giá nhà nước

Chủ trương của Luật giá là quy định đúng và đủ danh mục các mặt hàng cần phải định giá nhà nước để đảm bảo tránh việc lạm dụng biện pháp điều tiết có tính can thiệp trực tiếp như định giá nhà nước. Đồng thời với việc quy định về danh mục là kèm theo đầy đủ các vấn đề về thẩm quyền (phân công, phân cấp), hình thức định giá, phương pháp định giá, quy trình định giá và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện. Tuy nhiên trong thực tế khi xây dựng các Luật chuyên ngành đã có những quy định liên quan đến biện pháp định giá nhà nước dẫn đến sự trùng lặp, mâu thuẫn, chồng chéo như:

a. Quy định thêm hàng hóa, dịch vụ áp dụng định giá nhà nước ngoài Luật giá

Tại một số Luật chuyên ngành quy định thêm hàng hóa, dịch vụ cụ thể thực hiện định giá. Ví dụ như Luật giao thông đường bộ bổ sung giá dịch vụ ra, vào bến xe do UBND tỉnh quy định (Điều 83); Luật Đường sắt năm 2017 bổ sung giá dịch vụ vận tải hành khách, hành khách trên đường sắt đô thị do UBND cấp tỉnh quy định (Điều 83); Luật Đường sắt năm 2017 bổ sung giá dịch vụ vận tải hành khách, hành khách trên đường sắt đô thị do UBND cấp tỉnh quy định (Điều 56, Điều 67); Luật đấu giá tài sản năm 2016 bổ sung khung giá thù lao dịch vụ đấu giá tài sản do Bộ Tài chính quy định (Điều 78); Luật Quy hoạch bổ sung giá quy hoạch do Bộ Tài chính quy định.

Không chỉ được bổ sung tại Luật, một số hàng hóa, dịch vụ còn được bổ sung thực hiện định giá tại các Nghị định, Thông tư như: Nghị định 96/2012/NĐ-CP bổ sung dịch vụ cai nghiện chất dạng thuốc phiện; Nghị định 146/2016/NĐ-CP bổ sung dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải; Nghị định 80/2014/NĐ-CP bổ sung dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; Thông tư 36/2015/TT-BGTVT bổ sung 9 dịch vụ hàng không khác... *(phụ lục danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá kèm theo)*

Việc các Luật bổ sung danh mục mặc dù đều do vấn đề cấp thiết đáp ứng các yêu cầu thực tiễn trong quản lý nhà nước song cũng dẫn đến Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá còn được bổ sung, quy định trùng lặp, chồng chéo tại nhiều Luật, thậm chí tại các Nghị định, Thông tư dẫn đến hạn chế cho việc kiểm soát, theo dõi, tổng hợp tập trung. Mặt khác trách nhiệm đầu mối kiểm soát, trình thay đổi danh mục được giao cho Bộ Tài chính (tại Nghị định hướng dẫn Luật) nhưng một số trường hợp chưa tuân thủ triệt để, chưa thông qua xin ý kiến chuyên môn sâu của Bộ Tài chính về nội dung này.

b. Hàng hóa, dịch vụ được quy định bổ sung tại Luật chuyên ngành chưa đảm bảo các nguyên tắc xác định danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá

Tại Điều 19 Luật giá quy định 3 nguyên tắc đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện định giá là *“Hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực nhà nước độc quyền sản xuất kinh doanh; Tài nguyên quan trọng; Hàng dự trữ quốc gia, sản phẩm dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước”*. Tuy nhiên một số mặt hàng được bổ sung chưa đảm bảo các nguyên tắc tại Luật giá như dịch vụ ra, vào bến xe; 9 dịch vụ hàng không khác tại Thông tư 36/2015/TT-BGTVT, giá dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, thù lao dịch vụ đấu giá tài sản...

Đồng thời, có một số mặt hàng tại Luật chuyên ngành quy định có tên chưa thống nhất với Luật giá dẫn đến việc chưa đảm bảo nguyên tắc như Luật giá quy định nhà nước định giá đối với *“dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa tuyến độc quyền”*, nhưng tại Luật hàng không chỉ quy định *“dịch vụ vận chuyển hành khách nội địa”*, theo đó đã mở rộng hơn phạm vi so với Luật giá đối với các tuyến bay không phải độc quyền cũng thực hiện định giá.

c. Thiếu các quy định đồng bộ về hình thức, thẩm quyền khi quy định bổ sung danh mục

Một số mặt hàng được quy định thuộc danh mục định giá nhà nước nhưng thiếu các quy định về hình thức định giá hoặc thẩm quyền định giá hoặc chồng chéo với quy định tại Luật giá dẫn đến khó khăn trong khâu tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Ví dụ như Dịch vụ vận tải hành khách trên đường sắt đô thị (tại Luật Đường sắt chưa quy định hình thức định giá); Dịch vụ tuyển sinh (Tại Luật Giáo dục chưa quy định hình thức định giá); Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn nhà nước (tại Nghị định 149/2016/NĐ-CP quy định là UBND quy định giá tối đa, song tại Luật bảo vệ môi trường lại quy định UBND quy định giá cụ thể); Giá vật liệu nổ công nghiệp (Tại Luật Cảnh tranh và Nghị định 94/2017/NĐ-CP chưa quy định về hình thức và thẩm quyền định giá);

Phương thức quản lý giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ còn có sự mâu thuẫn giữa Luật giá và các Luật chuyên ngành. Ví dụ như đối với giá dịch vụ cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản nhà nước là công

trình kết cấu hạ tầng, tại Luật giá quy định nhà nước định giá tối thiểu; Tuy nhiên mức giá tối thiểu này lại không phải là cơ sở, căn cứ khi xác định mức giá khởi điểm phục vụ đấu giá khi thực hiện đấu giá quyền khai thác tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng theo Luật Tài sản công, Luật đấu giá.

Nguyên nhân chủ yếu cũng do việc Luật chuyên ngành chưa đảm bảo đúng các nguyên tắc “gốc”, có tính căn bản của công tác quản lý giá về triển khai được đề cập tại Luật giá; Việc quy định thêm hàng hóa, dịch vụ định giá là nhằm giải quyết thực tế “tình huống phát sinh” khi các cơ quan quản lý cho rằng cần phải kiểm soát giá của một hàng hóa, dịch vụ nào đó cũng rất cần thiết nhưng thiếu đi các quy phạm đồng bộ về tổ chức thực hiện.

d. Chồng chéo trong quy định về thẩm quyền và hình thức định giá

Tại một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành cũng quy định thẩm quyền định giá khi quy định thêm danh mục định giá; Tuy nhiên cũng do chưa có nguyên tắc cụ thể về phân công nên đôi khi xảy ra tình trạng ấn định cơ quan thực hiện định giá mà chưa tính toán cụ thể về khả năng tổ chức thực hiện. Thậm chí còn xảy ra tình trạng pháp luật chuyên ngành về một mặt hàng nào đó quy định thẩm quyền định giá mặt hàng đã được quy định tại Luật giá, gây nên tình trạng chồng chéo, không khớp giữa các quy định tương tự nhau.

Ví dụ như đối với mặt hàng nước sạch, tại Luật giá và Nghị định 149/2016/NĐ-CP quy định Bộ Tài chính xác định khung giá nước sạch và hướng dẫn phương pháp định giá, song tại Nghị định 81/2017/NĐ-CP lại giao Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá nước sạch.

Hoặc tại Luật giá chỉ quy định 3 cấp cơ quan quản lý Nhà nước về giá gồm (1) Chính phủ, (2) Bộ Tài chính và các Bộ chuyên ngành, (3) UBND cấp tỉnh. Tuy nhiên, trong lĩnh vực giáo dục và y tế, Luật tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 đã giao thẩm quyền định giá một số dịch vụ y tế, giáo dục tại cơ sở công lập cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Tại Luật Lâm nghiệp giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung giá rừng trên địa bàn quản lý (Khoản 4 Điều 90), tuy nhiên tại Nghị định số 149/2016/NĐ-CP giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá rừng cụ thể.

đ. Chưa có sự thống nhất về quy trình thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định giá giữa pháp luật chuyên ngành với Luật giá.

Tại Luật giá chưa có các quy định về các nguyên tắc cơ bản trong việc triển khai quy trình định giá mà giao Chính phủ quy định chi tiết tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP; Do vậy, tại các Luật chuyên ngành, bên cạnh việc quy định thêm hàng hóa, dịch vụ, còn quy định cả quy trình định giá và chưa thống nhất với quy trình tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP. Ví dụ việc định giá điện, theo quy định tại Nghị định 177/2013/NĐ-CP, Bộ Công thương xây dựng phương án giá

và trình Chính phủ sau khi có *ý kiến thẩm định* của Bộ Tài chính; Tuy nhiên theo Luật điện lực thì Bộ Công Thương chỉ phải *lấy ý kiến tham gia* Bộ Tài chính về phương án giá.

Ở cấp địa phương, Luật giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh “quy định việc trình, thẩm định phương án giá và quyết định giá” đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình, trong đó đảm bảo nguyên tắc vai trò thẩm định phương án giá của Sở Tài chính. Như vậy, căn cứ theo quy định này thì tùy địa phương có thể giao cho Sở Tài chính hoặc Sở chuyên ngành trình phương án giá tùy theo thực tiễn. Tuy nhiên, tại một số pháp luật chuyên ngành như Nghị định số 23/2016/NĐ-CP (dịch vụ nghĩa trang), Nghị định số 80/2014/NĐ-CP (dịch vụ thoát nước), Nghị định số 38/2015/NĐ-CP (dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt) quy định trực tiếp nhiệm vụ lập, thẩm định, phê duyệt giá cho Sở chuyên ngành và giao Sở Tài chính thẩm định phương án giá và trình UBND tỉnh phê duyệt phương án giá.

e. Chồng chéo trong vấn đề ban hành phương pháp định giá

Về Phương pháp định giá, tại Luật giá quy định: *Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ; Các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của mình.*”

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 25/2014/TT-BTC về phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ: Theo đó, quy định 2 phương pháp định giá (i) phương pháp so sánh (ii) phương pháp chi phí. Xét theo phương diện chuyên môn thì 2 phương pháp tại Thông tư 25/2014/TT-BTC đã cơ bản bao quát hết các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục. Vì vậy, việc quy định có phương pháp định giá riêng nhưng không có quy định điều kiện để giới hạn việc xây dựng, ban hành đã dẫn đến một số trường hợp ban hành phương pháp riêng nhưng thực chất chính là phương pháp chi phí kết hợp với việc hướng dẫn chi tiết hơn ở việc xác định một số khoản chi phí đặc thù là không cần thiết. Nếu tiếp tục thực hiện theo nguyên tắc này có thể dẫn đến không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khó tránh có xung đột pháp luật. Đánh giá tình hình thực hiện cho thấy một số bất cập như sau:

- Việc giao các Bộ, ngành hướng dẫn phương pháp định giá riêng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý sẽ dẫn đến việc nhiều phương pháp được quy định rải rác tại pháp luật chuyên ngành và sẽ khó kiểm soát, ảnh hưởng đến việc áp dụng trong thực tiễn, thậm chí xảy ra chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu sự thống nhất với các nguyên tắc cơ bản tại phương pháp định giá chung, một phần do vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành về giá.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật quy định phương pháp định giá cho thấy phương pháp chủ yếu được áp dụng khi thực hiện định giá hàng hóa, dịch vụ vẫn là phương pháp chi phí, gắn với định mức kinh tế kỹ thuật. Vì vậy, có thể áp dụng thực hiện chung theo thông tư 25/2014/TT-BTC, nhưng vấn đề

vướng mắc là bởi nếu định mức kinh tế kỹ thuật không đầy đủ thì sẽ không thể xây dựng được chi phí và gây ra chậm, muộn về tiến độ triển khai định giá đối với hàng hóa, dịch vụ. Mặt khác, hiện nay đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thì có các hình thức định giá gắn với mục tiêu quản lý gồm: định giá cụ thể, định giá tối đa, định giá tối thiểu, định khung giá. Tuy vậy, việc chỉ quy định một phương pháp chi phí gắn với các định mức kinh tế kỹ thuật là chưa đầy đủ, đảm bảo tính tương quan giữa hình thức định giá và phương pháp định giá. Trong khi đó, khi chuyển mạnh hướng quản lý giá theo cơ chế thị trường thì việc định phương pháp định giá gắn với tiếp cận từ thu nhập sẽ tạo thuận lợi cho việc định giá nhất là các dịch vụ gắn với cả những yếu tố nhân lực có trình độ cao (dịch vụ giáo dục, y tế...). Bên cạnh đó, phương pháp so sánh mặc dù là phương pháp có tính chất thị trường cao nhưng hiện nay chỉ phù hợp áp dụng trong một số trường hợp định giá đối với mua, bán hàng dự trữ...

2.2. Về các quy định về quản lý thẩm định giá

a. Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP có mâu thuẫn, chồng chéo với Luật giá về điều kiện đối với tổ chức tư vấn xác định giá đất và cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất.

Theo quy định tại Luật đất đai năm 2013: Tại Điều 115, 116 quy định về tư vấn xác định giá đất, quyền và nghĩa vụ của tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất, trong đó có nội dung quy định điều kiện hoạt động của tư vấn xác định giá đất, hành nghề tư vấn xác định giá đất thực hiện theo quy định của Chính phủ (gồm tổ chức tư vấn định giá đất và định giá viên).

Theo quy định tại Bộ Luật Dân sự: Điều 105 quy định về tài sản như sau:

“1. Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản.

2. Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai.”

Theo quy định tại Luật giá thì thẩm định viên về giá (có thể) được hành nghề thẩm định giá với các loại tài sản, trong đó có đất mà không có bất kỳ một điều kiện nào khác. Luật giá đã có các quy định điều chỉnh liên quan đến hoạt động tư vấn xác định giá bất động sản (trong đó đất đai là một loại bất động sản) nên đối với đất đai hoạt động này được hiểu là hoạt động tư vấn xác định giá đất. Trước khi Luật Đất đai năm 2013 được ban hành, hoạt động tư vấn xác định giá đất được thực hiện thống nhất theo Luật giá năm 2012. Theo đó, tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá đất là các doanh nghiệp thẩm định giá được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, các cá nhân thực hiện là các thẩm định viên về giá hành nghề được Bộ Tài chính cấp Thẻ thẩm định viên về giá.

Đồng thời, hiện nay, việc tư vấn xác định giá bất động sản theo Luật Kinh doanh bất động sản; tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cổ phần hóa,

thoái vốn, góp vốn; tư vấn xác định giá trị công nghệ (thẩm định giá công nghệ) theo Luật chuyển giao công nghệ; tư vấn trong mua sắm tài sản công... cũng đã được quy định rõ thuộc phạm vi hoạt động của các tổ chức thẩm định giá theo Luật giá.

Hơn nữa, hoạt động tư vấn xác định giá (kinh doanh dịch vụ thẩm định giá) được xác định là một hoạt động kinh doanh có điều kiện, kết quả tư vấn được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và các bên liên quan xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá đối với tài sản, do đó có thể thấy đây là một trong những loại hình dịch vụ tài chính phức tạp, có ảnh hưởng lớn đến nhiều hoạt động kinh tế, đòi hỏi kết quả dịch vụ có độ tin cậy và đảm bảo tính khách quan, trung thực. Để đảm bảo chất lượng của hoạt động dịch vụ tư vấn này, Luật giá đã có những quy định cụ thể, khắt khe đối với cá nhân tham gia tư vấn (thẩm định viên) và tổ chức tham gia tư vấn (doanh nghiệp thẩm định giá) về điều kiện chuyên môn, đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, đặc biệt là cá nhân muốn trở thành thẩm định viên về giá phải trải qua kỳ thi do Bộ Tài chính tổ chức...

Việc quy định thêm các điều kiện đối với hoạt động tư vấn định giá đất tại Nghị định 44/2014/NĐ-CP, Nghị định số 136/2018/NĐ-CP là trái với quy định tại Luật giá, phát sinh thêm các khoản chi phí tuân thủ cho xã hội không cần thiết, đồng thời gây cản trở cho việc vận dụng dịch vụ tốt nhất để thực hiện hiệu quả công việc.

b. Một số pháp luật chuyên ngành đang quy định về Hội đồng có bản chất công việc tương tự như Hội đồng thẩm định giá Nhà nước quy định tại Luật giá nhưng thiếu sự đồng bộ trong quy định về phương pháp, quy trình xác định giá trị tài sản với Luật giá. Ví dụ như Hội đồng định giá tài sản theo Luật tài sản công

Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 có nội dung quy định về hoạt động định giá, thẩm định giá, xác định giá trị tài sản trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trong đó quy định mức giá là một trong những tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công (Điều 24). Tại các văn bản hướng dẫn Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 (Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Thông tư số 144/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP) quy định về việc thành lập Hội đồng xác định giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá trong trường hợp bán tài sản công theo hình thức đấu giá, xác định giá bán chỉ định trong trường hợp bán tài sản công theo hình thức chỉ định, xác định giá bán niêm yết trong trường hợp bán tài sản công theo hình thức niêm yết giá. Hội đồng xác định giá bản chất như Hội đồng thẩm định giá Nhà nước theo pháp luật về giá, tuy nhiên chưa có quy định, hướng dẫn về phương pháp, quy trình xác định giá trị tài sản.

c. Về tính pháp lý của kết quả thẩm định giá

Nội dung này chưa có sự thống nhất giữa pháp luật chuyên ngành với quy định của Luật Giá. Theo quy định của Luật Giá thì kết quả thẩm định giá được sử dụng làm một trong những căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc có quyền sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và các bên liên quan xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá đối với tài sản. Kết quả thẩm định giá chỉ được sử dụng trong thời hạn có hiệu lực được ghi trong báo cáo kết quả thẩm định giá và chứng thư thẩm định giá.

Tuy nhiên, nhiều quy định tại pháp luật chuyên ngành gần như sử dụng ngay kết quả thẩm định giá làm căn cứ duy nhất để định giá, kéo theo đó là trách nhiệm rất nặng đặt lên vai các doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá. Cụ thể, đối với hoạt động thẩm định giá khởi điểm đấu giá các khoản nợ xấu, kết quả thẩm định giá được xem như là giá tối thiểu, giá sàn để đấu giá lần đầu khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu (Nghị định số 61/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 quy định chi tiết việc thẩm định giá khởi điểm của khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu và việc thành lập Hội đồng đấu giá nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đối với khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có giá trị lớn).

Tương tự, đối với hoạt động thẩm định giá trong thi hành án dân sự, kết quả thẩm định giá tài sản kê biên trong thi hành án dân sự được lấy làm giá khởi điểm để bán đấu giá theo quy định. Như vậy, đối với Luật thi hành án dân sự, Chấp hành viên và tổ chức thẩm định giá đóng vai trò quyết định đối với kết quả giá khởi điểm để bán đấu giá trong định giá tài sản kê biên.

2.3. Về các quy định về hình thức văn bản quyết định giá

Hình thức văn bản của quyết định giá là văn bản hành chính cá biệt hay văn bản quy phạm pháp luật còn chưa rõ giữa Luật giá với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Qua thực tiễn triển khai tại các cơ quan có thẩm quyền QLNN về giá tại trung ương và địa phương cho thấy hiện có sự chưa thống nhất và có cách hiểu khác nhau về việc ban hành văn bản quyết định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá ở trung ương và địa phương. Có trường hợp lựa chọn hình thức văn bản quy phạm pháp luật, một số trường hợp lựa chọn hình thức văn bản hành chính cá biệt. Ví dụ như

- Đối với giá bán điện: về cơ chế về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, khung giá điện được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL¹; việc quy định giá bán lẻ,

¹ Quyết định số 28/2014/QĐ-TTG ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ cấu giá bán lẻ điện, Quyết định số 34/2017/QĐ-TTG ngày 25/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân giai đoạn 2016 – 2020

hoặc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân được ban hành dưới hình thức Quyết định cá biệt².

- Đối với giá nước sạch cho sinh hoạt: Quy định về phương pháp, nguyên tắc xác định giá nước sạch và khung giá nước sạch sinh hoạt được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL³; việc quy định giá cụ thể cũng được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL (các Quyết định về giá nước cụ thể của UBND cấp tỉnh).

- Đối với giá xăng dầu: các quy định về nguyên tắc xác định giá cơ sở, các nội dung chi phí, quỹ bình ổn giá được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL⁴; việc quyết định mức giá cơ sở, mức giá bán lẻ tối đa ban hành dưới hình thức văn bản cá biệt (Thông báo của Bộ Công Thương trong mỗi kỳ điều hành).

- Đối với giá đất: Cơ chế về giá đất được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL (Luật đất đai và các Nghị định hướng dẫn); khung giá đất 5 năm và bảng giá đất từng địa phương cũng được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL (Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Ủy ban nhân dân);

- Đối với giá dịch vụ y tế: Về cơ chế giá dịch vụ y tế được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL⁵; mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc và không thuộc phạm vi thanh toán của bảo hiểm y tế cũng được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL (Thông tư của Bộ Y tế, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh).

Nhìn chung việc ban hành các quy định quản lý nhà nước nói chung, trong đó có lĩnh vực giá được áp dụng thực hiện theo hình thức văn bản quy phạm pháp luật, tính chất quy phạm pháp luật trong việc ban hành cơ chế giá đối với hàng hóa dịch vụ có thể hiểu là các nguyên tắc, phương pháp, định mức chung để xây dựng giá cụ thể đối với một hàng hóa, dịch vụ; Việc ban hành quy định chung về các nội dung này sẽ được tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cả nước áp dụng.

Việc ban hành văn bản quyết định giá, điều chỉnh giá mặc dù cũng có một số tính chất của quy phạm pháp luật nhưng không đầy đủ như đối với văn bản QPPL vì thế đã dẫn đến cách hiểu và tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị không thống nhất. Trong khi đó tính chất của công tác điều hành giá phụ thuộc chủ yếu vào các vấn đề về chi phí và thời điểm, nội hàm vấn đề “mức giá” chỉ có hiệu lực trong một thời điểm, một giai đoạn nhất định. Trong một số trường hợp cơ quan nhà nước ban hành mức giá tối đa, giá cụ thể để điều hành, quản lý

² Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 về điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện

³ Thông tư liên tịch 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT.

⁴ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu

⁵ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ quy định về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập

ngân sách nhà nước (như giá mua sản phẩm, dịch vụ công, giá mua tối đa, giá bán tối thiểu hàng dự trữ quốc gia...) thì mức giá này không toàn toàn sử dụng lặp đi, lặp lại nhiều lần và mang tính chất điều hành trong cơ quan nhà nước.

Do đó, các nội dung về cơ chế quản lý, nguyên tắc, phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện... để xác định giá là nội dung quy phạm pháp luật; còn việc quyết định giá, điều chỉnh giá trên cơ sở các cơ chế quản lý, nguyên tắc, phương pháp đã được quy định sẽ là nội dung có tính chất cá biệt, chỉ thuộc phạm vi khâu tổ chức thực hiện các quy định, cơ chế hiện hành. Như vậy, việc đặt ra vấn đề thống nhất nguyên tắc việc quyết định giá, điều chỉnh giá.

3. Tồn tại, hạn chế trong tổ chức thi hành Luật

a. Trong thời gian qua, công tác tuyên truyền phổ biến, tổ chức thực hiện các quy định của Luật đã được chú trọng; hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh được nâng cao, nhất là khối doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

Tuy nhiên vẫn còn khá nhiều các trường hợp cơ quan quản lý Nhà nước về giá, có nhiệm vụ quản lý giá chưa nắm rõ được các vấn đề căn bản trong thực thi nhiệm vụ; nhất là trong các hoạt động về xây dựng phương án giá; trình tự thủ tục thẩm định, trình phê duyệt phương án giá cho nên khá lúng túng trong triển khai. Các doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá còn có những sai phạm căn bản về nhiệm vụ phải bị xử lý vi phạm hành chính.

b. Công tác thông tin tuyên truyền về chủ trương, biện pháp quản lý điều hành giá nhất là đối với một số hàng hóa nhạy cảm nhiều khi gián đoạn, không kịp thời dẫn đến dư luận xã hội trái chiều, thậm chí không chính xác đã ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành giá.

c. Các văn bản quy phạm pháp luật thuộc nhóm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật được ban hành đầy đủ, kịp thời; Nhưng do thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ, ngành nên chưa được rà soát, sửa đổi bổ sung theo các diễn biến thực tế phát sinh. Nhất là việc bổ sung các chế định điều chỉnh những vấn đề mới, chế tài xử phạt hành chính và cơ chế giám sát,...

4. Tồn tại, hạn chế nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

a. Luật giá được ban hành có hiệu lực thi hành từ 01/01/2013, khi đó đây là văn bản pháp lý cao nhất đầu tiên quy định thống nhất các nội dung về quản lý giá trên toàn quốc, cũng như qua rà soát đã đưa vào những quy định cơ bản bao quát toàn bộ danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, định giá, kê khai giá...đáp ứng thực tiễn quản lý nhà nước về giá trong từng lĩnh vực chuyên ngành tại thời điểm đó và Luật giá cũng đã quy định về việc phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về giá đối với các bộ, ngành, địa phương. Tại thời điểm này, các pháp luật chuyên ngành hiện hành hầu như chưa có các quy định

về quản lý giá và chưa đánh giá để sửa đổi, bổ sung theo các quy định mới về quản lý giá theo Luật giá. Trong quá trình tổ chức, thi hành các quy định về quản lý giá theo Luật giá và trên cơ sở thực tiễn quản lý giá theo ngành, lĩnh vực, các bộ ngành đã tiến hành đánh giá, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có nội dung về quản lý nhà nước về giá thuộc lĩnh vực quản lý; theo đó có những quy định được ban hành nhất quán theo phân công, phân cấp tại Luật giá nhưng đồng thời, cũng phát sinh từ thực tiễn có những quy định mới về quản lý giá, về danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý, về thẩm quyền quản lý giá,...

b. Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường thẩm định giá trong những năm gần đây đã đặt ra yêu cầu phải tăng cường quản lý nhà nước, siết chặt điều hành hoạt động để nâng cao tính hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng hoạt động thẩm định giá.

c. Công tác thực hiện phân tích dự báo và gắn với đó là cơ chế phối hợp trong điều hành giá để bảo đảm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu ngày càng đòi hỏi phải được củng cố, tăng cường về mọi mặt, nhất là cơ sở pháp lý để thực thi. Nhất là trong bối cảnh phải đẩy mạnh chủ trương quản lý, điều hành giá theo thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước.

d. Những diễn biến thay đổi của tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế đặt ra những yêu cầu cải cách cơ chế quản lý giá, nhất là hoàn thiện danh mục hàng hóa, dịch vụ và phân công, phân cấp quản lý cho phù hợp.

e. Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cả phía cơ quan quản lý Nhà nước về giá và các tổ chức cá nhân còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả thi hành Luật.

IV. ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN

1. Khái quát về đặc điểm, tình hình kinh tế, tài chính và yêu cầu đặt ra trong xây dựng hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá trong giai đoạn tới:

1.1. Công tác quản lý, điều hành giá những năm gần đây luôn được đặt ra trong tình hình chính trị, kinh tế thế giới có những diễn biến phức tạp, chiến tranh thương mại, căng thẳng chính trị giữa các quốc gia, xung đột thương mại và xu hướng bảo hộ mậu dịch đã có những tác động đến kinh tế toàn cầu và kéo theo sự tác động đến nền kinh tế, giá cả trong nước; một số hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục nhà nước định giá tiếp tục thực hiện theo lộ trình quy định (y tế, giáo dục,...), các mặt hàng quan trọng, thiết yếu có ảnh hưởng nhạy cảm với phạm vi rộng đến đời sống xã hội như điện, sách giáo khoa vẫn có xu hướng tăng giá theo yếu tố hình thành giá, giá xăng dầu trong nước diễn biến phức tạp theo giá thế giới và nhất là biến động khó lường của giá hàng hóa, dịch vụ bị tác động mạnh bởi thiên tai, dịch bệnh. Bên cạnh đó, công tác điều hành kinh tế vĩ mô luôn đòi hỏi song hành hai mục tiêu là phát triển kinh tế và

kiểm soát lạm phát, theo đó công tác quản lý, điều hành giá đặt trọng tâm là hoàn thành kiểm soát lạm phát do Quốc hội đặt ra, đồng thời đảm bảo góp phần hỗ trợ phát triển kinh tế thông qua việc điều hành thực hiện lộ trình giá thị trường đối với các hàng hóa, dịch vụ Nhà nước định giá từ đó giúp cho việc giải phóng sức sản xuất của nền kinh tế, thúc đẩy thị trường phát triển, hàng hóa, dịch vụ được nâng cao chất lượng.

Ngoài ra, thị trường tài chính, thị trường giao dịch mua bán trong nước đang phát triển mạnh mẽ và hội nhập với thị trường quốc tế, vẫn còn nhiều tồn tại về vấn đề minh bạch, lành mạnh trong công tác xác định giá trị tài sản, thẩm định giá để phục vụ cho việc trao đổi, giao dịch về tài sản, hàng hóa trên thị trường, mua bán, thế chấp, góp vốn, liên doanh, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước; chưa phòng chống hiệu quả đối với các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí qua giá và bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của chủ tài sản, của các nhà đầu tư và của các bên liên quan tham gia giao dịch.

1.2. Trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới, mục tiêu, yêu cầu đặt ra cho công tác tài chính và việc xây dựng hoàn thiện thể chế pháp luật về tài chính ngân sách là vừa phải góp phần bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định các cân đối lớn về tài chính – ngân sách; tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế; vừa phải chủ động góp phần ngăn ngừa suy giảm kinh tế, phòng ngừa lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội. Đồng thời với đó là các cơ chế chính sách tài chính trong giai đoạn này phải đáp ứng yêu cầu hội nhập nhanh và sâu rộng, góp phần tạo môi trường đầu tư thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của doanh nghiệp; đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Trong bối cảnh đó, pháp luật về quản lý giá phải được rà soát, đánh giá để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ; tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, các nhân sản xuất kinh doanh, khuyến khích cạnh tranh; các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá phải bảo đảm nguyên tắc tính đúng, tính đủ các khoản chi phí theo cơ chế thị trường, góp phần làm cho giá cả phản ánh giá thị trường và là tín hiệu để thị trường phân bổ có hiệu quả nguồn lực của xã hội.

1.3. Trong thời gian qua, Đảng, Chính phủ tiếp tục có những chủ trương, chính sách cho việc tăng cường công tác quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tại Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu: *“Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, tạo nguồn thu vững chắc cho ngân sách nhà nước. Tập trung thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phối hợp hiệu quả các*

chính sách tài khóa, tiền tệ để kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng GDP tối thiểu như đã đề ra. Thực hiện lộ trình giá thị trường có sự quản lý của nhà nước đối với những hàng hóa quan trọng, thiết yếu; sớm thực hiện đầy đủ cơ chế giá thị trường đối với dịch vụ công, điện, nước, đất đai và các nguồn tài nguyên quan trọng”.

Mặt khác, tại Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương đã nêu nguyên tắc cơ bản trong việc phân công, phân cấp nhiệm vụ quản lý Nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc tôn trọng đầu mối, một việc do một cơ quan đảm nhiệm và thực hiện.

Các Nghị quyết số 01 của Chính phủ hàng năm về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước đều đặt ra nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

1.4. Một số vấn đề đặt ra đối với việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

Triển khai thực hiện đề án tổng thể đơn giản hóa giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013 - 2020 theo Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 8/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Đề án 896), ngày 09/10/2017, Chính phủ đã ký ban hành Nghị quyết số 104/NQ-CP về phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. Tại Nghị quyết này, Chính phủ đã phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với 91 thủ tục hành chính, trong đó có một số thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực giá. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã chủ trì trình Chính phủ ký ban hành Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; trong đó đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa tổng số 117 điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực tài chính.

Ngoài ra, thực hiện yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 174/TTg-KSTT về việc thực hiện cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh và theo kiến nghị của Tổ công tác Thủ tướng Chính phủ tại Báo cáo số 70/BC-TCTTTg ngày 1/3/2018 về phương án cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 50% điều kiện đầu tư kinh doanh, Bộ Tài chính cũng đã có đưa vào sửa đổi một số nội dung về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực thẩm định giá tại Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, chưa thực hiện sửa đổi điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực thẩm định giá quy định tại Điều 38 và Điều 39 Luật giá quy định điều kiện thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá,

điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo từng loại hình doanh nghiệp.

Để đảm bảo tính thực thi của đề án trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, yêu cầu đặt ra cần phải sửa đổi Luật cho phù hợp với thực tiễn.

1.5. Yêu cầu đặt ra trong việc tham gia hội nhập kinh tế quốc tế

Xu hướng quốc tế hoá, xu hướng chuyển sang nền kinh tế có cơ sở vật chất kỹ thuật mới về chất - một nền văn minh hậu công nghiệp, xu hướng cải tổ và đổi mới nền kinh tế thế giới là những xu hướng phát triển kinh tế chủ đạo trong giai đoạn hiện nay. Đối với nước ta, việc hoà nhập vào nền kinh tế thế giới và khu vực là việc làm hết sức cần thiết. Tuân thủ định hướng chung, chiến lược điều hành giá cả nói chung, giá hàng hóa thiết yếu, quan trọng nói riêng bảo đảm đạt các mục tiêu kinh tế của toàn xã hội, mục tiêu chung toàn cầu.

Nhìn chung, cơ chế quản lý giá dịch vụ, hàng hóa ở nước ta hiện nay đang được điều hành phù hợp với thông lệ các nước (Nhà nước chỉ quy định mức trần, khung giá dịch vụ tại cơ sở công lập, sử dụng ngân sách nhà nước; đối với cơ sở ngoài công lập, không sử dụng ngân sách nhà nước theo cơ chế giá thị trường...). Do hệ thống giá dịch vụ, hàng hóa của Việt Nam được giữ ổn định quá lâu nên khi chuyển sang cơ chế thị trường cần phải thực hiện từng bước, có lộ trình để không ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân và cân đối vĩ mô của nhà nước.

2. Mục tiêu, quan điểm và định hướng nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về quản lý giá trong thời gian tới:

2.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương thức quản lý điều hành giá để phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời tạo được sự nhất quán, thống nhất của Luật giá với hệ thống pháp luật về dân sự kinh tế; Bảo đảm khuyến khích cạnh tranh về giá. Tăng cường vai trò công tác quản lý giá góp phần kiểm soát hiệu quả thu chi ngân sách nhà nước; tạo lập môi trường pháp lý ổn định và thống nhất trong lĩnh vực giá. Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về giá, khắc phục triệt để những chồng chéo pháp luật, qua đó nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá.

Trên cơ sở đó, đưa vai trò pháp lý của Luật Giá được xác định là Luật chuyên ngành có giá trị pháp lý cao nhất trong lĩnh vực giá, điều chỉnh toàn diện các hoạt động về quản lý điều hành giá, thẩm định giá. Được ưu tiên vận dụng trong các trường hợp xung đột pháp luật liên quan đến lĩnh vực giá.

Với mục tiêu đó, tại Luật giá (sửa đổi) cần phải thể hiện rõ nét hơn các nguyên tắc về quản lý, điều hành giá trong cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Cùng cố, kiện toàn các nguyên tắc cơ bản về quản lý nhà nước về giá hiện hành tại Luật cũng như bổ sung, luật hóa các nguyên tắc phù hợp với cơ chế thị trường nhằm xây dựng hành lang pháp lý có tính toàn diện, thống nhất,

đảm bảo bao quát và thuận lợi cho công tác xây dựng các văn bản hướng dẫn nói riêng, các quy định về quản lý giá tại Luật chuyên ngành hoặc cho cả công tác tổ chức thực hiện, thi hành Luật.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Sửa đổi hoàn thiện các danh mục hàng hóa dịch vụ thuộc diện bình ổn giá, định giá nhà nước, kê khai giá cho phù hợp với yêu cầu quản lý điều hành nền kinh tế; Theo đó, Luật chỉ quy định những vấn đề có tính nguyên tắc chung trong triển khai và giao Chính phủ quy định chi tiết cho phù hợp với yêu cầu đặt ra trong thực tiễn thời gian qua, phù hợp với Hiến pháp và Luật Tổ chức Chính phủ; gắn với đó là phân công, phân cấp quản lý giá cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành của các Bộ, ngành, địa phương. Trên tinh thần đó, Bộ Tài chính sẽ tập trung vào công tác quản lý nhà nước như trình Chính phủ quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; quy trình lập, thẩm định, trình phương án giá; Ban hành các phương pháp định giá, kiểm tra các chấp hành pháp luật về giá... và chỉ quản lý giá đối với hàng hóa, dịch vụ có liên quan nhiều đến ngân sách nhà nước, đẩy mạnh phân công, phân cấp quản lý giá trực tiếp cho các Bộ, ngành, địa phương. Gắn với đó là việc sửa đổi, hoàn thiện và bổ sung mới các biện pháp quản lý, điều hành giá phù hợp với thực tiễn hiện nay.

- Tiếp tục rà soát để đẩy mạnh công tác thực thi và hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành giá theo nguyên tắc thị trường đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu như xăng dầu, nước sạch, đất đai, điện, dịch vụ công theo hướng: làm rõ vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm thực thi của các cấp quản lý nhà nước trong công tác điều hành, bình ổn giá thị trường thông qua các cơ chế, biện pháp vĩ mô phù hợp với yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; thực hiện tính đúng tính đủ các chi phí, yếu tố cấu thành giá theo thị trường theo lộ trình thích hợp; Tăng cường chế tài kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá và xử lý vi phạm phù hợp với yêu cầu quản lý điều

- Hoàn thiện cơ chế công bố thông tin rõ ràng, minh bạch để kiểm soát chi phí sản xuất các hàng hóa, dịch vụ nhằm hạn chế tác động tiêu cực của vị thế độc quyền, hoàn thiện cơ sở pháp lý để thúc đẩy triển khai hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, hoàn thiện về cơ chế thẩm định giá nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra trong thực tiễn hiện nay, thúc đẩy kiện toàn cơ chế kiểm soát, chế tài đối với các doanh nghiệp thẩm định giá.

- củng cố, kiện toàn hoạt động thẩm định giá nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định giá trong cả khối tư vấn tại doanh nghiệp cũng như trong công tác thẩm định giá nhà nước. Trong đó, chuyển một số nội dung quy định từ Nghị định lên Luật liên quan đến quy định về nội dung quản lý nhà nước về thẩm định giá và thẩm quyền quản lý nhà nước về thẩm định giá; Làm

rõ về tiêu chuẩn hành nghề của thẩm định viên và doanh nghiệp thẩm định giá nhằm định hướng nâng cao chất lượng ngành nghề thẩm định giá trong tương lai. Đồng thời, thông qua đó loại trừ các đơn vị yếu về chuyên môn, có tư tưởng chộp giật, ảnh hưởng chung đến cả ngành dịch vụ...

- Bổ sung hoàn thiện các quy định để củng cố, tăng cường công tác tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường, giá cả, kiểm soát lạm phát trong tổng thể công tác điều hành kinh tế vĩ mô chung của Chính phủ, Bộ, ngành. Gắn với đó là củng cố địa vị pháp lý cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, hình thành kênh thông tin chính thống, tin cậy phục vụ công tác quản lý giá, thẩm định giá.

- Thúc đẩy tăng cường công tác công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành giá, công tác kiểm soát, kiểm tra đánh giá về chấp hành pháp luật về giá để qua đó ngăn ngừa kịp thời các sai phạm nếu có trước, trong quá trình thực hiện.

- Hoàn thiện đồng bộ các chế định về biện pháp chế tài, xử lý hành vi lợi dụng giá cả để tạo thế độc quyền, từ việc liên kết giá để khống chế thị trường, tạo lợi nhuận cao, ảnh hưởng gây thiệt hại cho các doanh nghiệp khác và người tiêu dùng; các hành vi lợi dụng vị thế để khống chế giá trong cùng hệ thống phân phối ở mức có lợi bất hợp lý. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử phạt nhằm giữ ổn định môi trường cạnh tranh lành mạnh.

- Tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện; đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý, điều hành giá để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trong quá trình thực hiện.

2.3. Quan điểm chỉ đạo:

a. Thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng, Chính phủ về nguyên tắc quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước định hướng xã hội chủ nghĩa; nhất là đối với hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu thuộc danh mục Nhà nước bình ổn giá, định giá. Qua đó có giải pháp cho những vấn đề thực tiễn tất yếu đang tồn tại, nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; hướng đến thực hiện các mục tiêu bảo vệ lợi ích của người dân, cộng đồng, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ công tác kiểm soát lạm phát mục tiêu góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước, ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

b. Kế thừa, phát huy và hoàn thiện những quy định tại Luật giá còn phù hợp với thực tiễn. Đồng thời sửa đổi, bổ sung những quy định chưa rõ, còn bất cập, chưa thống nhất. Loại bỏ những quy định không còn phù hợp, đồng thời Luật hóa một số quy định tại các văn bản dưới Luật đã ổn định.

c. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Xác định rõ phạm vi, nguyên tắc áp dụng pháp luật trong Luật giá để tránh chồng chéo, mâu thuẫn, nâng cao hiệu quả pháp luật về quản lý giá. Rà soát Luật giá với các Luật chuyên ngành để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các cơ chế chính sách; biện pháp quản lý điều

hành gi; danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và phân công, phân cấp thực hiện,... tại Luật Giá nhằm khắc phục các chồng chéo, vướng mắc trong hệ thống pháp luật và công tác tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó, Luật Giá phải bảo đảm tính bao quát, toàn diện những nội dung về quản lý Nhà nước về giá, theo đó đề xuất, bãi bỏ các quy định về giá tại các Luật chuyên ngành không phù hợp.

2.4. Định hướng nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về giá

- Rà soát Luật giá với các Luật chuyên ngành để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nhằm tiếp tục thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng; tổ chức triển khai kịp thời các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong thực hiện cơ chế quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước;

- Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế để kiểm soát có hiệu quả tình trạng tăng, giảm giá bất hợp lý, không phù hợp với quy luật kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đối với hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu với đời sống kinh tế- xã hội; hàng hóa, dịch vụ có tính độc quyền phải được tiếp tục rà soát đánh giá để thực hiện giảm dần tiến tới loại bỏ hoàn toàn cơ chế bao cấp qua giá; thực hiện tính đúng tính đủ các chi phí, yếu tố cấu thành giá theo thị trường; làm rõ vai trò, nhiệm vụ của nhà nước trong quản lý, điều hành, bình ổn giá thông qua các cơ chế, biện pháp vĩ mô phù hợp với yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hoàn thiện cơ chế công bố thông tin rõ ràng, minh bạch để kiểm soát chi phí sản xuất các hàng hóa, dịch vụ nhằm hạn chế tác động tiêu cực của vị thế độc quyền, hoàn thiện cơ sở pháp lý để thúc đẩy triển khai hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, hoàn thiện về cơ chế thẩm định giá nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra trong thực tiễn hiện nay, thúc đẩy kiện toàn cơ chế kiểm soát, chế tài đối với các doanh nghiệp thẩm định giá.

- Hoàn thiện đồng bộ các chế định về biện pháp chế tài, xử lý hành vi lợi dụng giá cả để tạo thế độc quyền, từ việc liên kết giá để khống chế thị trường, tạo lợi nhuận cao, ảnh hưởng gây thiệt hại cho các doanh nghiệp khác và người tiêu dùng; các hành vi lợi dụng vị thế để khống chế giá trong cùng hệ thống phân phối ở mức có lợi bất hợp lý. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử phạt nhằm giữ ổn định môi trường cạnh tranh lành mạnh.

- Rà soát để sửa đổi, bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, bình ổn giá, kê khai giá cho phù hợp với yêu cầu và thực tiễn đặt ra trong tình hình mới. Đồng thời, rà soát đánh giá thực trạng để điều chỉnh việc phân công, phân cấp trong quản lý điều hành giá giữa các Bộ, ngành, địa phương nhằm nâng cao tính hiệu quả, phù hợp với yêu cầu đặt ra trong thực tiễn hiện nay và trong thời gian tới, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành và điều kiện thực tế tại địa phương.

- Tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện; đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý, điều hành giá để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trong quá trình thực hiện.

- Tiếp tục rà soát để đẩy mạnh công tác thực thi và hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành giá theo nguyên tắc thị trường đối với một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu như xăng dầu, nước sạch, đất đai, điện, dịch vụ công theo hướng: làm rõ vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm thực thi của các cấp quản lý nhà nước trong công tác điều hành, bình ổn giá thị trường thông qua các cơ chế, biện pháp vĩ mô phù hợp với yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; thực hiện tính đúng tính đủ các chi phí, yếu tố cấu thành giá theo thị trường theo lộ trình thích hợp; Tăng cường chế tài kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá và xử lý vi phạm phù hợp với yêu cầu quản lý điều

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý để đẩy mạnh công tác tổng hợp, phân tích, dự báo thị trường giá cả từ Trung ương đến địa phương để kiến nghị các giải pháp mang tính vĩ mô góp phần bình ổn giá cả thị trường, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

Trên cơ sở đó, có các biện pháp cụ thể để kiện toàn về nhân sự, phương thức thực hiện, cơ chế hỗ trợ để nâng cao chất lượng công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường đáp ứng kịp thời và hiệu quả công tác quản lý, điều hành, bình ổn mặt bằng giá cả thị trường. Thực hiện rà soát hoàn thiện các cơ sở pháp lý nhằm củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ theo hướng quy định cụ thể, rõ ràng về địa vị pháp lý của Ban chỉ đạo; cơ chế hoạt động của Ban chỉ đạo gắn quy trình xây dựng phương án giá, xác định giá của một số hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu.

- Đẩy nhanh hoàn thiện việc xây dựng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về giá tập trung nhằm tạo lập nguồn thông tin dữ liệu về giá hoàn chỉnh có tính đồng bộ, độ tin cậy và khả năng ứng dụng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác quản lý nhà nước về giá, hỗ trợ cho công tác phân tích, dự báo và ra quyết định của các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý, điều hành giá một cách kịp thời và hiệu quả. Ghi nhận và lưu trữ phản ánh kịp thời tình hình và sự biến động giá cả, dự báo hướng diễn biến giá thị trường trong và ngoài nước, góp phần thực hiện bình ổn giá; định hướng các hành vi trong trao đổi, mua bán của các chủ thể tham gia thị trường; Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hoạt động quản lý nhà nước về giá trong giai đoạn hiện nay. Xây dựng và ký kết các quy chế về trao đổi, cung cấp thông tin giữa các Bộ, ngành để tăng cường công tác nắm bắt thông tin, đảm bảo nguồn thông tin chính thống, đủ độ tin cậy. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp, các Bộ ngành có liên quan nghiên cứu đề xuất việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao vai trò, trách nhiệm cũng như năng lực của các tổ chức tư vấn giá, doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá khi tham gia thẩm định giá; xây dựng hoàn thiện cơ chế chính sách huy động sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức này vào hoạt động định giá, thẩm định giá của nhà nước, nhất là đối với trường hợp phức tạp, thời gian yêu cầu thực hiện gấp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLГ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Tạ Anh Tuấn